

Từ Bi Thủy Sám Pháp

Trước thuật: Ngô Đạt Thiền Sư

Dịch Giả: HT. Huyền Dung

Phật Lịch: 2541-1997

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 20 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Duyên khởi

Phần nghi lễ

Chú Đại Bi

Pháp Từ Bi Thủy Sám

 Quyển Thượng

 Quyển Trung

 Quyển Hạ

Phần Hồi Hưởng

Văn Tụng Kinh Sám Hồi Hồi Hưởng

Kinh Lăng Nghiêm - Chương Niệm Phật của Bồ Tát Thế Chí

---o0o---

“Tội từ tâm khởi cũng từ tâm diệt

Tội diệt tâm không cả hai đều hết”

“Nguyện nghiệp chướng Báo chướng,

Phiền não chướng, ba chướng tiêu trừ.

 Nguyện Tân duyên, Cự duyên,

Oan trái duyên, mọi duyên giải thoát”.

---o0o---

Duyên khởi

Thiết nghĩ ngoài những kinh, luật, luận của thánh giáo đã phiên dịch, nhiều sách vở của hiền nhân chế tác về sau đều do nơi sự cảm ứng mà làm ra cả.

Nếu riêng từng phẩm loại mà nói thì không dễ gì kể ra cho hết được. Ngay như bản văn này mà gọi là Thủy Sát, tôi xin nói rõ đến căn do.

Thuở về triều vua Đường Ý Tôn có một vị quốc sư hiệu là Ngô Đạt, tên là Tri Huyền, lúc chưa hiển đạt, ngài thường gặp gỡ một nhà sư ở đất Kinh Sư trong một ngôi chùa nọ. Nhà sư ấy bị mắc bệnh ca ma la (bệnh cùi) ai cũng gớm, chỉ có ngài Tri Huyền là thường gần gũi hỏi han, không hề nhàm chán. Nhân khi chia tay, nhà sư vì quá cảm kích phong thái của ngài Tri Huyền mới dặn rằng:

- Sau này ông có nạn chi nên qua núi Cửu Lũng tại Rành Châu đất Tây Thục tìm tôi và nhớ trên núi ấy có hai cây tùng làm dấu chỗ tôi trú ngụ.

Sau đó ngài Ngô Đạt quốc sư đến ở chùa Ấn Quốc thì đạo đức của ngài càng vang khắp. Vua ý Tôn thân hành đến pháp tịch nghe ngài giảng đạo. Nhân đó vua mới ân từ rất hậu cho ngài cái pháp tọa bằng gỗ trầm hương và từ đó trên đầu gối của ngài bỗng nhiên mọc mụn ghẻ tựa như mặt người, đau nhức khôn siết! Ngài cho mời tất cả các bậc danh y, nhưng không ai chữa được. Nhân ngài nhớ lời dặn trước bèn đi vào núi mà tìm.

Trên đường đi, trời đã mờ tối, trong khoảng âm u mây bay khói toả mịt mù, ngài nhìn xem bốn phía, bỗng thấy dạng hai cây tùng mới tin rằng lời ước hẹn xưa không sai. Ngài liền đến ngay chỗ đó, quả nhiên thấy lầu vàng điện ngọc lộng lẫy nguy nga, ánh quang minh chói rọi khắp nơi. Trước cửa nhà sư đang đứng chờ đón ngài một cách thân mật.

Nhân ở lại đêm, ngài Ngô Đạt mới tỏ hết tâm đau khổ của mình, nhà sư ấy nói:

- Không hề gì đâu, dưới núi này có một cái suối, sáng ngày rửa cái mụn ấy khoẻ ngay.

Mờ sáng hôm sau một chú tiểu đồng dẫn ngài ra ngoài suối. Ngài vừa bụm nước lên rửa thì mụn ghẻ kêu lên:

- Đừng rửa vội. Ông học nhiều biết rộng đã khảo cứu các sách cổ kim mà có từng đọc đến chuyện Viên Áng giết Tiêu Thố vậy? Thố bị chém ở chợ phía đông oan ức biết chừng nào. Đời đời tôi tìm cách báo thù ông, song đã mười kiếp ông làm bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, nên tôi chưa tiện bề báo oán được. Nay vì ông được nhà vua quá ưa chuộng nên khởi tâm danh lợi

làm tổn giới đức, tôi mới báo thù được ông. Nay nhờ ngài Ca Nặc Ca tôn giả lấy nước pháp tam muội rửa oán cho tôi rồi, từ nay trở đi tôi không còn báo oán cho ông nữa.

Ngài Ngô Đạt nghe qua hoảng sợ liền vội vàng bụm nước dội rửa mụn ghẻ làm nhức nhối tận xương tủy, chết giấc hồi lâu mới tỉnh. Khi tỉnh lại thì không thấy mụn ghẻ ấy nữa. Nhân đó ngài mới biết thánh hiền ẩn tích kẻ phạm tình không thể lường được. Ngài muốn trở lên lay tạ vị sư, nhưng ngó ngoảnh lại thì ngôi bảo điện kia đã biến mất từ bao giờ. Vì thế ngài bèn lập một cái thảo am ngay chỗ ấy và sau trở thành một ngôi chùa. Đến năm Chí Đạo triều nhà Tống mới sắc hiệu là “Chi Đức Thiền Tự”. Có một vị cao tăng làm bài kí sự ghi chép việc này rõ ràng.

Khi đó ngài Ngô Đạt nghĩ đến nỗi oan trái đã bao đời nếu không gặp được thánh nhân thì do đâu khỏi được? Vì cảm niệm cái ơn tế độ lạ lùng ấy, ngài mới thuật ra pháp sám này để mai chiều lễ tụng, sau đó truyền bá khắp thiên hạ.

Ba quyển sám đây tức là bài văn của ngài làm ra lúc đó vậy.

Nghĩa chính của bài văn này là lấy nước Tam Muội rửa sạch nghiệp oan khiên nên mới đặt là Thủy Sám. Lại ngài Ngô Đạt cũng vì cảm niệm dị ứng của đức Ca Nặc Ca nên dùng tên ấy mà đặt cho bộ Sám văn này để đền đáp cái thâm ân kia.

Nay tôi kể rõ sự thật và nếu công của tiên đức để cho những người lật bộ sám văn này, hoặc lễ, hoặc tụng, đều biết được sự tích của tiền hiền vì lẽ nhân quả tuy nhiều kiếp cũng không sai chạy.

(Bài này tôi cố tìm tác giả nhưng không thấy)

---o0o---

Phản nghị lễ

(Mọi người đều chỉnh tề đứng trước Tam Bảo mật niệm rằng)

Tịnh pháp giới chân ngôn: Án La Sa Ha (3 lượt)

(Chủ sám đọc)

Hết thầy cung kính: Dốc lòng kính lễ mười phương pháp giới thường trụ Tam Bảo(3 lượt)

(Mọi người quỳ nguyện hương)

Nguyện đem lòng thành kính.

Gửi theo đám mây hương.

Phảng phất khắp mười phương.

Cúng dường ngôi Tam Bảo.

Thề trọn đời giữ đạo,

Theo tự tính làm lành,

Cúng pháp giới chúng sinh.

Cầu Phật từ gia hộ;

Tâm Bồ đề kiên cố.

Xa bề khổ sông mê.

Chóng quay về bờ giác.

Cúng dường đoạn: Dốc lòng kính lễ mười phương pháp giới thường trụ Tam Bảo.(1 lượt)

(Mọi người đều đứng dậy chấp tay tán phật)

Đấng pháp vương vô thượng,

Ba cõi chẳng ai bằng,

Thầy dậy khắp trời người,

Cha lành chung bốn loài,

Quy y trọn một niệm.

Dứt sạch nghiệp ba kỳ,

Xưng dương cùng tán thán.

Ức kiếp không cùng tận.

Án phạt phạt la vật.(3 lượt)

Chí tâm đánh lễ, Tận hư không, biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, chư phật, tôn pháp, Hiền Thánh Tăng thường trụ tam Bảo.(1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Sa bà giáo chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Tây phương Cực Lạc giáo chủ A Di Đà Phật. (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Đương lai giáo chủ Di lặc Tôn Phật. (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ Tát. (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát. (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Ca Nhã Ca Bồ Tát.(1 lễ)

Chí tâm đánh lễ, Ngộ Đạt Quốc Sư Bồ Tát.(1 lễ)

Con nay xin bốn ân ba cõi, pháp giới chúng sinh, nguyện xin ba chương tiêu trừ chí thành sám hối...(1 lễ)

(cùng quỳ để sám hối)

Chúng con xin chí thành sám hối:

Xưa kia gây nên bao ác nghiệp.

Đều vì ba nghiệp Tham, sân, si.

Bởi thân, miệng, ý phát sinh ra.

Hết thấy nay con xin sám hối.

Sám hối đoạn: Dốc lòng kính lễ Tam Bảo thường ở khắp mười phương.(1 lễ)

(Đồng quỳ: Chủ sám thỉnh) (1 lễ)

Kính nghe:

Lòng Từ Mẫn hằng vì muôn vật, tâm Bi Nguyện khéo độ quần sinh. Hai chữ Từ Bi làm tiêu hết muôn nghìn tội lỗi. Một lời niệm Phật cũng diệt trừ trăm vạn oan khiên.

Nguyên nhân làm ra văn Thủy Sám này, là do Viên Áng, Tiểu Thố hai người, vì kết thành mối oan khiên, nên nghiệp quả kia khó tránh.

Dưới bóng song tùng ngài Ca Nhã hiện Phạm thể đoan nghiêm, trong ao Tam Muội ngài Ngô Đạt thoát oan sang (mụn hình mặt người mọc nơi đầu gối.), khổ nạn. Nhân Từ tâm hướng về thiện niệm, vì thế nên đất hiện suối thơm. Văn Thủy Sám nay mở đầu, là nguyên do từ đó.

Sở dĩ, một giọt nước thấm nhuần lại là phương thuốc hay thoát khổ, một lời kêu Sám hối thực là đạo tối yếu trừ khiên; khả dĩ tiêu tan nhiều đời tội nặng; khả dĩ cứu vớt cực khổ nơi ba đường; khả dĩ gỡ mối oan khiên trong nhiều kiếp. Công đức sám ma ấy, khen ngợi mãi khôn cùng.

Hôm nay đàn tràng nghiêm tịnh, tiệc pháp kính bày. Quy mệnh mười phương Điều Ngự, Kính lễ Phổ Hiền nguyện vương, vận tướng hương hoa, một lòng dâng cúng.

Muốn cho căn lành trong sạch, trước nên nghiệp chương, tiêu trừ. Cúi mong đức đại Từ Bi trông xuống rủ lòng soi xét.

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lượt)

(Chủ sám và mọi người ngồi, cùng tụng theo nhịp mõ)

---o0o---

Chú Đại Bi

Thiên thủ thiên nhơn vô ngại Đại bi tâm đà la ni

Nam mô hát ra đất na đá ra gia gia. Nam mô a rị gia. Bà lô yết đế thước bát ra gia. Bồ đề tát đỏa bà gia. Ma ha tát đỏa bà gia. Ma ha ca rô ni ca gia. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đất na đất tả. Nam mô tát cát lật đỏa y mông a rị gia. Bà lô cát đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha đâu du bằng. A thệ dưng. Tát bà tát đá na ma bà già. Ma phạt đặc đậu. Đất diệt tha. Án. A bà lô hê, lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dựng. Câu lô câu lô yết mông. Độ lô độ lô phạt xà gia đế, ma ha phạt xà gia đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất phạt ra gia. Đá ra giá ra. Mạ mạ. Phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê, thất na thất na. A ra sâm phạt ra xá lý, phạt sa phạt sâm. Phạt ra xá gia. Hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Sa ra sa ra. Tát rị tất rị. Tô rô tô rô. Bồ đề gia bồ đề gia. Bồ đà gia bồ đà gia. Di đế lệ gia. Na ra cẩn trì. Địa lý sắc ni na. Ba gia ma na, sa bà ha. Tát đà gia, sa bà ha. Ma ha tát đà gia, sa bà ha. Tát đà du nghệ. Thất bàn ra gia, sa bà ha. Na ra cẩn trì, sa bà ha. Ma ra na ra, sa bà ha. Tát ra tăng a mục khư gia, sa bà ha. Sa bà ma ha a tát đà gia, sa bà ha. Giả cát ra a tát đà gia, sa bà ha. Ba đà ma yết tát đà gia, sa bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra gia, sa bà ha. Ma bà lý thắng yết ra gia, sa bà ha. Nam mô hát ra đất na đá ra gia gia. Nam mô a lý gia, Bà lô cát đế, Thước bàn ra gia, sa bà ha.

Án tất điện đô, Mạn đa ra, Bạt đà gia, sa bà ha.

Nam mô ly câu địa bồ tát ma ha tát

(3 lượt)

Kính nghe:

Mỗi Đức Phật ra đời mở tám vạn bốn nghìn cửa Pháp. Một mặt trăng cõi thiên phá tối tăm quần sinh nơi đại địa. Mở rộng đạo màu nhất thừa, sám diệt tội khiên hết thảy

Kính xin Bảy Phật Thế Tôn, mười phương Từ Phụ, hiện tướng hào quang sáng suốt, giám soi ý khẩn chân thành.

Phụng vì cầu sám cho tên là.....Vận Sức Từ Bi Đạo Tràng Thủy Sám. Đây là quyền thượng, duyên khởi vào đàn, hành nhân chúng con, quý gối chấp tay, kính lễ mười phương Tam Bảo, quy y hết thầy Thánh Tăng, đĩ tỏ cầu thượng, mở bày sám hối.

Trộm nghĩ: Chúng con tên là.....Nhất tính trái ngang chìm đắm hương về trong bốn thú, Nhất Chân mờ mịt loanh quanh ở mãi trong sáu đường. Nghiệp Thân, Miệng, ý buông lung, vì Tham, Sân, Si phóng túng. Làm càn làm bậy tạo ra nghiệp chướng vô biên, theo ác theo tà gây lấy lỗi lầm nhiều thứ.

Nay nhờ đức Như Lai mở bày cửa Pháp phương tiện, Khiến cho lũ chúng con phát khởi tam thành sám hối. Mong sạch tội cấu nghìn đời, trừ hết oan khiên nhiều kiếp. Con nguyện được như vậy, xin Phật rủ lòng thương; Ngừa mong đức Đại Từ Bi, vì con mà ngầm giúp.

(đại chúng ngồi tụng)

Lư hương vừa đốt,

Cõi pháp thơm lây

Chư Phật bốn biển đều xa hay

Thấu tâm thành này

Chư Phật hiện thân ngay.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.(3 lượt)

Chân ngôn tịnh tam nghiệp: án sa phạt bà phạt chuật đà xa phạt đạt ma sa phạt bà phạt chuật độ hám.(3 lượt)

Chân ngôn phả cúng dàng: án nga nga năng tam bà phạt phiệt nhiệt la hộc.

(Lời Phát nguyện)

Kính lễ Đức Thế Tôn

Quy mệnh mười phương chư Phật

Con nay phát nguyện lớn

Trì tụng hành sám văn

Trên đền bốn trọng ân[1]

Dưới cứu khổ muôn loài

Nếu có ai thấy nghe Đều phát tâm Bồ đề

Tụ tập các công đức

thực hành hạnh lợi tha

khi nào hết báo thân này

Đều vãng sinh cực lạc.

Kệ khai kinh:

Chính pháp sâu xa rất nhiệm mầu!

Trăm nghìn ức kiếp cũng khó gặp,

Con nay thấy nghe xin thụ trì,

Nguyện hiểu nghĩa chân của Như Lai.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lượt)

Khải vận đạo tràng Sám Pháp, một lòng quy mệnh chư Phật trong ba đời.

Nam mô Quá khứ tỷ bà Thi Phật[2], (1 lạy)

Nam mô thi khí Phật[3], (1 lạy)

Nam mô tỳ xá phù Phật[4], (1 lạy)

Nam mô Câu Lưu Tôn Phật.[5], (1 lạy)

Nam mô Câu na Hàm Mâu Ni Phật[6], (1 lạy)

Nam mô Ca Diếp Phật[7], (1 lạy)

Nam mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật[8], (1 lạy)

Nam mô Đương lai Di lạc Tôn Phật[9], (1 lạy)

---o0o---

Pháp Từ Bi Thủy Sám

Quyển Thượng

Tất cả chư Phật, vì thương xót chúng sinh, nói pháp lập đàn Thủy Sám. Chúng sinh vì nghiệp cấu nặng nề nên không một ai tránh khỏi tội lỗi. Những kẻ phạm phước bị màn vô minh che lấp, gần gũi bạn ác, phiền não loạn tâm, tính không hiểu biết, nên cứ buông lòng tự thị, không tin tưởng mười phương chư Phật, Không tin tôn Pháp, cùng các bậc thánh Tăng, bắt hiếu cha mẹ, không kính nhường bà con. Tuổi trẻ phóng túng, kiêu căng ngạo mạn, đối với các vật quý báu, các thứ ca nhạc, các sắc đẹp trai gái thường sinh tâm tham luyến, ý khởi phiền não, lân la với người hư, tập tành theo bạn ác, không biết chừa đổi. Hoặc giết hại các giống sinh linh, hoặc uống rượu mê man mất hết trí tuệ, rồi thường cùng với chúng sinh tạo nghiệp phá giới. Những tội ác ở hiện tại ngày nay chí thành xin sám hối hết thảy, còn các tội lỗi về sau không dám làm nữa.

Bởi thế hôm nay chúng con dốc lòng thành kính quy y hết thảy các Đức Phật, các vị Đại Bồ Tát, Bích Chi, La Hán, Phạm Vương Đế Thích, Thiên Long Bát Bộ và tất cả thánh chúng trong mười phương hư không thế giới cầu xin đủ lòng chứng giám.

Lễ Phật Và Bồ Tát

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Định lễ các đức Phật rồi, thứ lại sám hối. Nhưng, muốn làm lễ sám trước phải kính lễ Tam Bảo, vì Tam bảo là bạn lành, là ruộng phúc của tất cả chúng sinh. Nếu qui hướng Tam Bảo thì diệt được vô lượng tội, thêm được vô lượng phúc, khiến người làm đạo thoát khổ sinh tử, được vui giải thoát. Vì vậy cho nên chúng con tên là.....

Quy y hết thấy chư Phật trong mười phương hư không thế giới (1 lạy)

Quy y hết thấy tôn Pháp trong mười phương hư không thế giới (1 lạy)

Quy y hết thấy Thánh Tăng trong mười phương hư không thế giới (1 lạy)

Sở dĩ ngày nay chúng con sám hối, chính vì từ vô thủy nhần lại, còn ở địa vị phàm phu bất cứ sang hèn, tội lỗi không lường: hoặc do ba nghiệp gây nên tội lỗi, hoặc vì nội tâm vọng tưởng, hoặc vì ngoại cảnh mê hoặc sinh lòng nhiễm trước.

Như thế cho đến mười điều ác nghiệp, tám vạn bốn ngàn trần lao. Những tội lỗi ấy tuy nhiều vô lượng, nhưng không ngoài ba điều: phiền não, nghiệp chướng, quả báo. Ba ác pháp này là pháp chướng ngại thánh đạo, ngăn trở quả báo tốt đẹp nhân thiên. Thế nên kinh gọi là ba chướng, vì vậy Chư Phật, Bồ Tát dạy làm những pháp phương tiện sám hối trừ diệt. Ba chướng ấy diệt thì sáu căn[10], mười ác[11], cho đến tám vạn bốn ngàn trần lao[12] thấy đều thanh tịnh.

Hôm nay chúng con là.....đem hết lòng thành, vận tâm thù thắng sám hối ba chướng. Muốn diệt ba chướng phải dùng những tâm niệm này: trước phải phát bảy tâm thù thắng làm phương tiện, sau mới trừ diệt:

Một là tâm tui hổ, hai là tâm e sợ, ba là tâm chán xa, bốn là tâm bỏ đê; năm là tâm oán thân bình đẳng; sáu là tâm nghĩ báo ân Phật; bảy là tâm oán xét tội tính vốn không.

Thứ nhất tâm tui hổ, là tự nghĩ ta với đức Thích ca đồng là phàm phu, mà đức Thế Tôn đã thành đạo đến nay trải qua số kiếp nhiều như cát bụi, chúng ta thì lại còn cùng nhau say đắm lục trần[13] trôi lăn trong vòng sinh tử, chưa biết bao giờ ra khỏi. Như thế thật là đáng thẹn, đáng hổ nhất trong thiên hạ.

Thứ hai tâm e sợ, đang là phàm phu thì thân, khẩu, ý nghiệp thường thuận ưng với tội lỗi. Bởi nhân duyên ấy nên sau khi chết phải toạ vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh chịu khổ vô cùng. Như thế thật là đáng kinh đáng sợ.

Thứ ba tâm chán xa, là chúng ta thường cùng nhau quan sát trong đường sinh tử, chỉ là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, hư giả như bọt nước nổi, tan, xoay vần qua lại như bánh xe lăn; còn thêm sinh, già, bệnh chết, tám khổ, nung nấu không dừng. Chúng ta xem xét ngay trong thân thể từ đầu đến chân có 36 thứ; tóc, lông, răng, móng, ghèn, nước mắt, mũi, nước miếng, gàu, mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện, da dầy, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tuỷ, mỡ chài, mỡ nước, óc, màng, lá lách, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, đàm đỏ, đàm trắng, sinh tạng, thực tạng, thường bài tiết ra

chín lỗ. Nên trong kinh nói: Thân này là chỗ chứa, các khổ não, đầy dẫy bất tịnh, nên kẻ trí giả chẳng hề yêu dấu. Trong vòng sinh tử đã có những cái xấu xa như thế, thực là đáng lo, đáng chán!

Thứ tư phát tâm bồ đề. Kinh nói: “Nên ham muốn thân Phật, vì thân Phật tức là Pháp thân, pháp thân ấy do vô lượng công đức trí tuệ sinh ra, do tu sáu pháp ba la mật[14] sinh ra, do từ, bi, hỷ, xả sinh ra, do tu ba bảy pháp trợ bồ đề[15] sinh ra. Do những công đức trí tuệ ấy sinh ra Như Lai. Muốn được thân đó thì phải phát tâm Bồ đề, cầu được Nhất thiết chủng trí, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chứng quả Tát bà nhã[16], thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, chẳng tiếc thân mệnh tài sản”.

Thứ năm tâm oán thân bình đẳng, là đối với tất cả chúng sinh mở lòng từ bi không phân “nhân ngã”. Vì nếu còn thấy kẻ “oán” khác với người “thân”, tức còn có sự phân biệt. Bởi có phân biệt mới có chấp trước, bởi có chấp trước mới sinh phiền não, bởi sinh phiền não mới tạo nghiệp dữ, bởi tạo nghiệp dữ mới tạo quả báo.

Thứ sáu tâm nghĩ báo ân Phật. Đức Như Lai từ vô lượng kiếp đã vì chúng ta mà bỏ cả đầu, mắt, tuỷ, não, tay chân, xương thịt, quốc thành, vợ con, voi ngựa, thất bảo, tu hành khổ hạnh. Ôn đức ấy thật khó báo đền. Vì vậy kinh nói: “Giả sử đầu đội vai mang, trải qua số kiếp như hằng hà sa, cũng khó đền đáp ơn Phật. Chúng ta muốn đền đáp công ơn của đức Như Lai, trong đời này phải dũng mãnh, tinh tiến gắng chịu khổ nhọc, không tiếc thân mệnh gây dựng Tam Bảo, hoằng dương giáo pháp đại thừa, hoá độ chúng sinh, đồng vào ngôi Chính giác”.

Thứ bảy tâm quán xét tội tính không thật, là tội không tự tính, do nhân duyên sinh, do điên đảo thành, đã do nhân duyên sinh thì cũng do nhân duyên diệt. Nhân duyên sinh tội tức là gần gũi bạn ác gây nghiệp vô cùng. Nhân duyên diệt tội tức là ngày nay tỉnh tâm sám hối. Thế nên kinh dạy: “Tội tính không phải ở trong, không phải ở ngoài, không ở chặng giữa. Nên biết tội tính vốn không”.

Khởi bảy thứ tâm như trên ấy rồi, lại duyên tưởng đến mười phương chư Phật, cùng các hiền thánh, cung kính chắp tay phôi bày tâm can tỏ lòng cầu khẩn khổ then sám hối. Sám hối như thế, tội nào không diệt, phúc nào không sinh. Nếu không hết lòng sám hối, cứ lần nữa biến nhác, tình tự buông lung thì chỉ khổ nhọc cho mình, chứ không ích lợi gì cả. Và lại mạng người vô thường như quay vó đuốc. Khi hơi thở ra không trở lại thì thân này đồng như

tro đất, khổ báo trong ba đường chính mình, phải chịu, không thể nhờ tiền tài, của báu để lo nhờ thoát khỏi, ở mãi trong cảnh mịt mù không có kỳ hạn ân xá, riêng mình chịu khổ, không ai thay thế.

Đừng cho rằng trong đời này ta không gây tội, mà không ân cần cầu sám hối, vì trong kinh nói:” kẻ phạm phu mỗi khi động chân cất bước là có tội”. Lại trong những đời quá khứ đã gây nên nhiều điều ác nghiệp, không thể kể xiết, nó thường theo dõi như bóng theo hình. Nếu không sám hối thì tội ác ngày càng sâu. Nên biết rằng hễ che giấu tội lỗi của mình, thì phật còn không dung cho, tỏ rằng để sám hối thì ngài Tịnh Danh kính chuộc. Bởi thế nên biết chúng sinh bị chìm đắm mãi trong bể khổ cũng do thói hay che giấu tội lỗi. Vì vậy ngày nay chúng con xin phát lộ sám hối, không dám che dấu.

Ba chương: Một là phiền não, hai là nghiệp chương, ba là quả báo. Ba thứ chương này làm nhân cho nhau, như do phiền não mới sinh ác nghiệp, do ác nghiệp mà phải khổ báo. Vì thế ngày nay chúng con xin hết lòng sám hối.

Thứ nhất sám hối các nghiệp chương phiền não, vì những phiền não ấy đều do ý gây ra. Và khi ý nghiệp phát khởi, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp theo đó phát động. ý nghiệp có tham lam, có giận dữ, có ngu muội. Bởi ngu muội mới sinh tà kiến mà gây lắm việc ác. Vì vậy kinh nói: “Ba nghiệp tham, sân, si làm cho chúng sinh đoạ lạc trong ba đường: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, chịu khổ vô cùng. Nếu được làm người cũng phải chịu những ác báo phiền não: nghèo nàn, túng thiếu, cô cút, lại thêm tính nết hung hăng, cần bướng, ngu độn, không biết phải quấy”.

Ý nghiệp đã gây nhiều ác quả như thế, nên ngày nay chúng con dốc lòng đem hết thân mệnh nương về chư Phật, Bồ tát, các bậc thánh nhân, đã thấu tỏ chân lý, đủ mọi điều quở tránh. Gọi phiền não này là oán gia, vì phiền não làm dứt mất tuệ căn, tuệ mệnh của chúng sinh; cũng gọi phiền não này là cái thác chảy mạnh, vì lôi cuốn chúng sinh vào bể khổ sinh tử; cũng gọi phiền não này là xiềng xích, vì ràng buộc chúng sinh trong ngục sinh tử không khi nào ra khỏi, cứ phải quanh quẩn mãi trong sáu nẻo bốn loài, gây nghiệp ác vô cùng, chịu quả khổ không ngớt. Thế mới biết những hoạn họa ấy đều do phiền não mà ra. Cho nên ngày nay vận tâm tăng thượng cầu xin sám hối.

Từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc chịu quả báo trong sáu đường, hễ có tâm thức, thường ôm mỗi ngu hoặc đầy dẫy tâm can, hoặc nhân mầm tam độc[17] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tam lậu[18] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tam khổ[19] tạo nên tất cả tội, hoặc duyên tam đảo[20] tạo ra tất cả tội,

hoặc tham tam hữu[21] tạo nên tất cả tội. Những tội như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn đều xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhẫn lại, hoặc nhân bốn trụ[22] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn lưu[23] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn thủ[24] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn chấp[25] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn duyên[26] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn đại[27] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn ngón phược[28] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn tham[29] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bốn sinh[30] tạo nên tất cả tội.

Những tội như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường. Ngày nay hổ thẹn đều xin sám hối.

Lại nữa, chúng con từ vô thủy nhẫn lại, hoặc nhân năm món trụ[31] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món cái[32] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món xan[33] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm món kiến[34] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân năm tâm[35] tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay tỏ bày cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhẫn lại, hoặc nhân sáu căn[36] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu thức[37] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu tướng[38] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu thụ[39] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu hành[40] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu ái[41] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu nghi[42] tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường, ngày nay tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy lại đây, hoặc nhân bảy món lậu[43] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân bảy món sử[44] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám món đảo[45] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám món cấu[46] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân tám khổ[47] tạo nên tất cả tội. Những phiền não như thế vô lượng vô biên, não loạn tất cả chúng sinh trong sáu đường ngày nay tỏ bày, cầu xin sám hối.

Lại nữa chúng con từ vô thủy nhẫn lại, hoặc nhân chín não[48] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín kết[49] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín duyên[50] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười phiền não[51] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười triền[52] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười một biến sử[53] tạo nên tất

cả tội, hoặc nhân mười hai nhập[54] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười sáu tri kiến[55] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân mười tám giới[56] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân hai mươi lăm ngã[57] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân sáu mươi hai kiến[58] tạo nên tất cả tội, hoặc nhân chín mươi tám sử[59], một trăm tám phiền não[60] của kiến hoặc, tư hoặc đem ngày bập bùng mở cửa hữu lậu[61] gây nên tất cả tội, loạn não thánh hiền và bốn loài chúng sinh, đầy dẫy ba cõi[62] tràn khắp sáu đường[63] không còn chỗ trốn lánh. Ngày nay hết lòng cầu khẩn hướng về mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, hổ thẹn giải bày đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối tất cả phiền não ba độc, chúng con nguyện đời đời kiếp kiếp được ba thứ trí tuệ[64], ba món sáng tỏ, diệt được ba khổ[65] đầy đủ ba nguyện[66]. Lại nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì bốn món thức, chúng con.....đời đời kiếp kiếp được mở rộng bốn tâm bình đẳng[67], lập bốn tín nghiệp[68] diệt bốn đường ác[69], được bốn vô úy[70]. Nguyện nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não vì năm món cái...chúng con...đời đời kiếp kiếp, quả khỏi được năm đường[71] dựng được năm căn[72], năm thứ tịnh nhõn[73], thành tựu năm phần pháp thân[74]. Lại nguyện, nhờ công đức đã sám hối tất cả phiền não của sáu thụ, chúng con.....đời đời kiếp kiếp được đầy đủ sáu món thần thông[75], sáu phép lực độ[76]. Không bị sáu trần mê hoặc, thường làm được sáu điều hạnh[77]. Lại nguyện nhờ công đức sám hối tất cả phiền não vì bảy lậu, tám cấu, chín kết, mười triền, chúng con..... đời đời kiếp kiếp được ngồi trên hoa thất tịnh[78] được tắm nước bát giải[79], đủ trí cứu đoạn[80], thành tựu hạnh thập địa[81].

Lại nguyện, nhờ công đức sám hối tất cả phiền não vì mười một biến sử, mười hai nhập, mười tám giới, chúng con.....đời đời kiếp kiếp được hiểu mười một món không[82], tâm thường nương những món không ấy, tự tại chuyên nói mười hai hành pháp luận[83], đầy đủ mười tám món bất cộng pháp[84] vô lượng công đức đều viên mãn.

Phát nguyện xong, chí tâm chỉnh lễ chư Phật:

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chúng Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể lại sám hối.

Phép sám hối chính là sửa đổi sự lỗi lầm đã qua, diệt ác làm lành. Người đời ai không lỗi, như bậc hữu học lỡ mất chính niệm còn bị phiền não nổi lên, bậc La Hán có lúc kết tập phát khởi cũng còn phạm phải những nghiệp thân, khẩu, ý, huống kẻ phàm phu sao khỏi tội lỗi. Những người có chí biết trước liền ăn năn đổi lỗi, còn kẻ ngu si giấu giếm, nên tội lỗi thêm tràn đầy, chất chứa lâu ngày không biết khi nào tỏ ngộ. Nếu biết hổ thẹn giải bày sám hối, không những diệt được tội lỗi, còn thêm vô lượng công đức, gây dựng quả vị Niết Bàn vi diệu của Như Lai. Muốn thật hành phép sám hối, trước hết thân phải nghiêm trang chỉnh tề, chiêm ngưỡng tôn tượng, tâm phải khởi ý cung kính, theo phép quán tưởng, hết lòng cầu khẩn, để tâm suy nghĩ hai điều: Thứ nhất phải nghĩ thân mệnh khó giữ thường còn, một khi tan nát không biết bao giờ được lại. Nếu không gặp chư Phật cùng các bậc hiền thánh, lại gặp phải bạn ác, tạo thêm nhiều tội nghiệp, sẽ bị đoạ lạc chôn hiềm hang sâu. Thứ hai phải tự nghĩ ngày nay, ta tuy gặp chính pháp Như Lai, lại không biết vì phạm pháp nổi đời giống Thánh, tẩy sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý, để cư xử theo thiện pháp, lại riêng làm việc ác, cố ý che giấu, nói người

khác không biết, kẻ kia không thấy, giấu kín trong lòng ngang nhiên không hổ thẹn. Như thế thật là một điều hết sức ngu hoặc trong thiên hạ.

Mười phương chư Phật, chư đại Bồ tát cùng các vị thiện thần, lúc nào lại không dùng thiên nhãn thanh tịnh mà soi thấy hết những tội ác của chúng ta gây tạo.

Và lại các thần linh ở chốn u minh ghi chép tội phúc không sai một mảy may nào. Nói đến những người đã làm nên tội lỗi, sau khi chết rồi bị ngục tốt đầu trâu thân bắt thần hồn đem nạp trước mặt diêm vương để tra xét điều phải trái. Bây giờ tất cả kẻ oán cừ đang làm chứng nói:” người trước kia mỗ ta, giết ta, nẫu, hãm, rang, nướng ta...” hoặc nói:” trước kia người cướp bóc lấy hết tiền bạc ta ly tán quyến thuộc ta, ngày nay ta mới có dịp ở trước người làm chứng có rõ ràng, đâu còn giấu giếm chỉ đành cam chịu những tội lỗi trước”.

Trong kinh nói rõ: ở địa ngục không bao giờ xử oan. Người nào ngày thường gây những tội gì, tuy đã quên mất, nhưng đến khi chết những hình tượng ấy do các nghiệp ác độc tạo nên từ trước đều hiện ra, nói: “Xưa kia người ở bên ta tạo những tội ác như thế nay làm sao giấu giếm được?”. Lúc đó tội nhân không còn chỗ nào che đậy, ngay lúc ấy diêm vương nghiêng răng quở trách rồi cho vào địa ngục trải vô lượng kiếp, chẳng hòng thoát khỏi. Việc đó chẳng phải xa lạ mà cũng không quan hệ gì với người, chính tự mình tạo tự mình phải chịu, dù chí thân mưu cha con, một khi quả báo đối đầu, cũng không thay thế cho nhau được.

Vậy nay chúng ta cùng được làm thân người khoẻ mạnh, không bệnh tật, nên gắng sức tu hành, tranh đua cùng thọ mệnh, khi đại nạn xảy đến hối hận không kịp. Bởi thế chúng con dốc lòng, cầu xin sám hối.

Từ vô thủy đến nay, chúng con bị vô minh che khuất, tâm trí, do phiền não tạo các nghiệp ác trong ba đời. Hoặc say đắm dục lạc sinh ra “phiền não ham muốn”, hoặc giận giữ bực tức sinh ra “phiền não hãm hại”, hoặc tâm trí tối tăm sinh ra “phiền não không hiểu rõ”, hoặc ngã nạn tự cao sinh ra “phiền não ngạo nghễ”, hoặc nghi ngờ chánh đạo sinh ra “phiền não do dự”, hoặc bác không nhân không quả sinh ra “phiền não tà khiến”, hoặc không biết thân cảnh do nhân duyên giảng hợp, sinh ra “phiền não chấp ngã”, hoặc mê lầm trong ba đời sinh ra “phiền não chấp thường chấp đoạn”, hoặc gần gũi tà pháp sinh ra “phiền não kiến thủ”, hoặc theo lầm tà sư sinh ra “phiền não

giới thủ”, cho đến do tất cả bốn món chấp thành ra “phiền não chấp trước sai lầm...”. Ngày nay trí thành đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, bởi có tính bo bo lận tiếc sinh ra “phiền não keo bần” bởi không thâm nhiếp sáu căn sinh ra “phiền não buông lung”, bởi dễ tâm làm những việc xấu xa ác độc sinh ra “phiền não bất nhẫn”, bởi biếng nhác trễ nải sinh ra “phiền não không siêng năng” bởi hay ngờ vực lo nghĩ bông lông, sinh ra “phiền não giác quán” bởi sức cảnh mê hoặc, sinh ra “phiền não không hiểu biết”, bởi theo tám thói xấu[85] ở đời, sinh ra, phiền não nhân ngã, bởi dối trá, khen trước mặt, chê sau lưng, sinh ra “phiền não tâm không ngay thẳng”, bởi thô cứng khó dạy sinh ra “phiền não không điều hòa”, bởi dễ giận khó vui, sinh ra “phiền não uất hận”, bởi hay ghen ghét đâm thọc sinh ra “phiền não hung dữ”; bởi hung bạo độc hại, sinh ra “phiền não thâm độc”, bởi trái với thánh đạo sinh ra “phiền não điên đảo”, bởi cứ theo chiều sinh tử, không diệt được mười hai nhân duyên[86] sinh ra, “phiền não luân chuyển” cho đến do vô minh trụ địa, từ vô thủy khởi ra hằng sa phiền não, khởi tứ trụ địa, gây thành khổ quả trong ba cõi, Khổ quả phiền não vô lượng vô biên, não loạn hiện thánh, bốn loài chúng sinh trong sáu nẻo. Ngày nay giải bày trước mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức đã sám hối những phiền não tham, sân, si do ý nghiệp khởi ra, đời đời kiếp kiếp bẻ tràng kiêu mạn, khô nước ái dục, tắt lửa sân hận, phá tối ngu si, nhổ gốc ghi hoặc, xé lưới tà kiến, biết rõ ba cõi như ngục tù, tứ đại như rắn độc, ngũ âm như kẻ thù, lục nhập rỗng không, dối trá thân thiện, siêng tu tám món thánh đạo, dứt nguồn vô minh, nhắm thẳng Niết bàn không hề dừng nghỉ, luôn luôn để tâm làm theo ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cùng mười phép ba la mật[87] thường được hiện tiền.

Sám hối phát nguyện rồi, hết lòng tin tưởng kính lễ Thường Trụ Tam Bảo.

Hết quyền thượng

---o0o---

[1] 1. Ôn sở hữu, 2. ơn cha mẹ, 3. Ôn chúng sinh, 4. Ôn thí chủ.

[2] Tỳ Bà Thi Phật là tiếng phạn. Tàu dịch có bốn nghĩa: 1. Biển kiến là trí viên mãn như mặt trăng đầy, 2. Tịnh Quang: phiền não hoặc tập không còn,

3. Đả viên tịch, 4. Quán kiến thù thắng. Do thế nên Tỳ Bà Thi Phật đứng đầu trong bảy đức Phật.

[3] Thi khí Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là Hoả Đức, đức Phật này y nơi hoá quang tam muội mà thành đạo.

[4] Tỳ Xá Phù Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là Tự Tại, Đức Phật này dứt hết vô minh hoặc tập, đối với chỗ nào cũng được tự tại.

[5] Câu Lưu Tôn Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là Ứng Đoạn, Đức Phật này đoạn được tất cả phiền não.

[6] Câu Na Hàm Mâu Ni Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là Kim Tiên Đức. Phật này thân như sắc Vàng ánh.

[7] Ca Diếp Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là âm Quang, Thân Đức Phật này chói sáng nuốt hết các ánh sáng khác.

[8] Thích Ca Mâu Ni Phật là tiếng Phạn, Tàu dịch là Năng Nhơn Tịnh Mặc. Năng Nhơn là họ. Tịnh Mặc là tên chữ, Đức Phật này không trụ đường sanh tử, không trụ Niết bàn, hay vận cả bi và trí lợi vật không cùng. Trong bảy Đức Phật này, ba Đức Phật trước thuộc về quá khứ trang nghiêm kiếp, còn bốn Đức Phật sau thuộc về hiện tại hiện kiếp. Kiếp nói cho đủ theo tiếng Phạn là kiếp ba, Tàu dịch là phân biệt thời tiết...

[9] Di Lặc là họ, chính tên là A Dật Đa, do nơi từ tâm tam muội mà tiến lên quả vị cùng tột

[10] Sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

[11] Mười ác: 1. Sát sinh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói thêu dệt, 6. Rửa Nguyên; 7. Nói hai lưỡi, 8. Tham, 9. Sân, 10. Si.

[12] Tám vạn bốn nghìn trần lao. Trần là nhiễm ô, nghĩa là các thứ kiến, phiền não hay làm nhiễm ô chơn tánh; Lao là nhọc nhằn; nghĩa là các tà kiến làm cho chúng sinh trôi lăn trong đường sanh tử.

Luận về căn bản phiền não không ra ngoài mười sử: 1. Tham, 2. Sân, 3. Si, 4. Mạn, 5. Nghi, 6. Thân Kiến, 7. Biên kiến, 8. Tà Kiến, 9. Kiến Thủ, 10. Giới Thủ. Trong mười sử này tùy lấy mỗi sử làm đầu, chín sử làm phụ, như thành một trăm, như lại cho ba đời quá khứ hiện tại vị lai thành ra ba trăm. Số một trăm về đời hiện tại vì thời gian quá ngắn, không kể đến chỗ tương trợ, chỉ kể quá khứ vị lai có hai trăm sử, lại cứ lấy một sử làm đầu, chín sử làm phụ như thành hai ngàn, hiệp với một trăm sử ở đời hiện tại thành ra hai ngàn một trăm. Lại trải qua bốn phần; đa tham, đa sân, đa si và đẳng phần, tổng số là tám ngàn bốn trăm ($2100 \times 4 = 8.400$). Lại tính cả tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) và lục trần (sắc, thính, hương vị, xúc, pháp) là mười thứ, mỗi thứ có 8.400, nhân thành tám mươi bốn ngàn trần lao ($8.400 \times 10 = 84.000$)

[13] Lục trần: 1. Sắc, 2. Thính; 3. Hương; 4. Vị; 5. Xúc; 6. Pháp.

[14] Sáu Pháp Ba La Mật: 1. Bố Thí; 2. Trì giới, 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tấn; 5. Thiền định; trí tuệ. Ba La Mật là tiếng Phạn, Tàu dịch là "đạo bỉ nại" do tu sáu pháp ngày mà qua khỏi biển sinh tử mà đến bờ giác ngộ.

[15] 37 pháp trợ bồ đề là: 4 pháp niệm xứ; 4 pháp chánh cần; 4 pháp như ý túc; 5 căn; 5 lực; 7 pháp giác chi; 8 pháp thánh đạo phần. 37 Pháp này dành cho người tu hành thành tựu được đạo quả nên gọi là trợ bồ đề.

– Bốn pháp niệm xứ: niệm là tâm năng quán (tâm hay quan sát). Xứ là cảnh sở quán (cảnh bị quán sát). Vì chúng sinh vọng chấp thân ngũ ấm này nên Phật nói 4 phép quán để đối trị:

a, Quán thân bất tịnh (Quán sát thân này là vật như bản)

b, Quán thị là khổ (Quán sát tự thọ lãnh của thân tâm là khổ)

c, Quán tâm vô thường.

d, Quán pháp vô ngã (Quán sát các pháp không có chủ thể)

- Bốn pháp chánh cần:

1. Đoạn những ác pháp đã sanh;

2. Đoạn đoạn những ác pháp chưa sanh;

3. Làm cho các pháp lành tăng trưởng;

4. Làm cho các pháp lành chưa sanh chưa được sanh.

- Bốn pháp như ý túc:

1. Dục như ý túc, (có tâm ham muốn tu tập các pháp lành thì được như ý),
2. Niệm như ý túc (quan sát cảnh gì mà nhất tâm chuyển chú vào đó thì được như ý).
3. Tinh tấn như ý túc (do sự tinh tấn mà tu tập các pháp lành được như ý),
4. Tư duy như ý túc (do suy nghĩ mà tu tập được kết quả).

- Năm căn:

1. Tín căn: Tin theo chánh đạo và trợ đạo,
2. Tinh tấn căn: là sự đồng mãnh tu theo thiện pháp,
3. Niệm căn: ghi nhớ các pháp chánh đạo và trợ đạo, 4. Định căn: Nhiếp tâm theo chánh đạo và trợ đạo, 5. Tuệ căn: Nhờ có định và chân tánh tự sáng suốt không phải ở ngoài vào.

- Năm lực: Cũng như ngũ căn, nhưng vì thật hành theo ngũ căn thì căn lành có sanh, song gốc ác chưa phá hết nên phải gia công tu tập thêm khiến cho thiện căn tăng trưởng. Khi thiện căn thành thực các ác pháp không còn thì gọi là Ngũ Lực.

- Bảy Pháp Giác chi: Giác là tỏ, nghĩa là tỏ biết pháp tu chơn hay nguy. Chi là ngành, nghĩa là bảy pháp này có chi khác phái nhau, không sen lẫn nhau nên gọi là bảy pháp giác chi hay là bảy pháp giác phần;

1. Trạch pháp giác chi;
2. Tinh tấn giác chi;
3. Hỷ giác chi; 4. Trừ giác chi;
5. Xả giác chi;

6. Định giác chi;

7. Niệm giác chi.

- Tám pháp đạo phần:

1. Chánh kiến: Sự hiểu biết chơn chánh,

2. Chánh tư duy; Sự suy nghĩ chơn chánh,

3. Chánh ngữ: nói những lời chơn chánh không hư vọng;

4. Chánh nghiệp: Hành động chân chánh; 5. Chánh mạng: Lấy sự khát thực để nuôi sống thân mạng;

6. Chánh tinh tấn: tu theo giới, định, tuệ một lòng tinh chuyên không gián đoạn;

7. Chánh niệm: ghi nhớ những pháp chơn chánh;

8. Chánh định: thu nhiếp thân tâm thường được tịch tịnh

[16] Tát bà nhã là tiếng phạn, Tà u dịch là nhứt thế chủng trí, tức là chỉ cái trí ở quả vị rốt ráo viên mãn của chư phật.

[17] Tam độc: 1. Tham: đối với cảnh thuận ham muốn không nhàm. 2. Sân: đối với cảnh nghịch sinh lòng giận dữ; 3. Si mê: không phân biệt được chơn ngụy. Ba món này hay phá hoại thiện tâm xuất thế nên gọi là tam độc.

[18] Tam lậu:

1. Dục lậu: Chúng sinh như kiến hoặc tư hoặc mà tạo nghiệp nên bị ở mãi trong cõi Dục không khi nào ra khỏi,

2. Hữu lậu: Chúng sinh như kiến hoặc tư hoặc khởi ra phiền não nên không thoát ly được cõi sắc và vô sắc;

3. Vô minh lậu: Chúng sinh bị vô minh làm si hoặc phải đoạ lạc trong ba cõi.

[19]

Tam khổ:

1. Sinh khổ: Chúng sinh mang thân ngũ ấm này là một điều khổ;
2. Thọ khổ: Lại thêm cái khổ lãnh thọ những nỗi khổ bên ngoài;
3. Hoại khổ: Khổ về sự nhớ tiếc cảnh sanh ra bởi sự thiên lưu của pháp hữu vi thường không được an ổn.

[20] Tam đảo:

1. Thường đảo: Đối với pháp vô thường trong thế gian mà khởi chấp cho là thường;
2. Lạc đảo: Đối với khổ trong thế gian mà khởi chấp cho là vui;
3. Tịnh đảo: Đối với pháp bất tịnh trong thế gian mà khởi chấp cho là tịnh.

[21] Tam hữu:

1. Cõi dục: Người, trời, tu la, ngã quỷ, súc sanh, địa ngục đều tùy theo nghiệp nhơn dục vọng mà thọ quả báo trong cõi này;
2. Cõi sắc: Tứ thiên thiên do đời trước tu tập thiên định thuộc về hữu lậu nên thọ báo sanh ở cõi này;
3. Cõi vô sắc: Tứ không thiên, do kiếp trước tu tập hữu lậu thiện cho nên thọ báo sanh ở cõi trời này dù không có thân sắc chất làm ngại, nhưng cũng còn tùy theo các nhơn đã tạo mà thọ quả báo. (Tứ không thiên: Không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, Phi Phi tướng xứ thiện)

[22] Bốn trụ là chỉ cho kiến hoặc và tư hoặc:

1. Kiến nhứt thế trụ địa: Chỉ cho những kiến hoặc trong tam giới;
2. Dục ái trụ địa: Chỉ cho ta tất cả tư hoặc trong cõi Dục;

3. Sắc ái trụ địa: Chỉ cho tất cả tư hoặc trong cõi sắc;
4. Hữu ái trụ địa: Chỉ cho ta tất cả tư hoặc trong cõi vô sắc.

[23] Bốn lưu:

1. Kiến lưu: Chỉ cho kiến hoặc trong ba cõi, nghĩa ý cần đối với pháp trần khởi phân biệt kiến. Nhơn kiến hoặc này bị lưu chuyển mãi mãi trong ba cõi;
2. Dục lưu: Tức là tư hoặc trong cõi dục, nghĩa là ngũ căn tham ái ngũ trần nên gọi là tư hoặc(tham, sân, mạn). Nhơn tu hoặc này nên bị lưu chuyển mãi trong cõi Dục.
3. Hữu lưu: Hữu là nhơn quả không mất là tư – hoặc ở cõi sắc và vô sắc(tham, mạn). Vì tư hoặc này mà bị lưu chuyển mãi trong cõi Sắc và Vô Sắc;
4. Vô minh lưu: không hiểu rõ chân vọng gọi là vô minh tức là si hoặc, tư hoặc của ba cõi. Bởi vô minh này nên bị lưu chuyển mãi trong vòng sinh tử.

[24] Bốn thủ:

1. Dục thủ: Sự ham muốn chấp trước cảnh ngũ trần ở cõi dục;
2. Kiến thủ: Đối với thân ngũ ấm này vọng chấp cho là thật(thân kiến), hoặc chấp đoạn, chấp thường(biên kiến);
3. Giới thủ: Giữ những giới pháp sai lầm;
4. Ngã ngữ thủ: Tùy theo ngôn ngữ giả thuyết khởi ra chấp ngã, theo chỗ chấp đó mà cố giữ lấy.

[25] Bốn chấp:

1. Chấp có;
2. Chấp không;
3. Chấp cũng có cũng không;
4. Chấp không phải có không phải không.

[26] Bốn duyên:

1. Nhơn duyên: Sáu căn làm nhơn sáu trần làm duyên sanh ra thức;
2. Thứ đệ duyên: Tâm tâm sở pháp thứ lớp tương tục khởi ra(tâm tâm sở, tâm tức tâm vương, tâm sở tức là thọ, tưởng, hành); 3. Duyên duyên: tâm tâm sở pháp y thác nơi cảnh duyên mà Sanh;
4. Tăng thượng duyên: Sáu căn đối với sáu trần hiển phát ra thức, có sức tăng thượng làm cho các pháp được sinh không bị chướng ngại.

[27] Bốn đại: 1. Địa đại (đất); 2. Thuỷ đại (nước); 3. Hoả đại (lửa); 4. Phong đại (gió)

[28] Bốn phược:

1. Dục ái thân phược: Chúng sinh vì tham cái cảnh ngũ dục lạc nên khởi những nghiệp ràng buộc thân tâm không được giải thoát;
2. Sân khuể thân phược, chúng sanh đối với nghịch cảnh hay sanh tâm giận dữ khởi ra hoặc nghiệp ràng buộc thân tâm không được giải thoát;
3. giới đạo thân phược: Thực hành các giới pháp không cần chân chánh nên gọi là giới đạo. Do giữ giới sai lầm nên khởi các hoặc nghiệp ràng buộc thân tâm không được giải thoát;
4. Ngã kiến thân phược: Ngã kiến tức kiến thủ. Đối với pháp không phải Niết bàn (tứ thiên, tứ không) vọng cho là Niết bàn sanh tâm chấp trước nên gọi là kiến thủ. Do ngã kiến này mà hoặc nghiệp tăng trưởng, ràng buộc thân tâm không được giải thoát.

[29] Bốn tham:

1. Ham muốn sắc đẹp của người;
2. Ham muốn hình tướng cao, thấp, yếu diệu của người;
3. Ham muốn sự chạm súc mềm mại êm ái;

4. Ham muốn sự nâng đỡ, phục tùng của người.

[30] Bốn sinh: Noãn sinh, thái sinh, thấp sinh, hoá sinh.

[31] Năm trụ: Bốn trụ đã giải trước thêm vô minh trụ nữa là thành năm.

[32] Năm món cái:

1. Tham dục cái:

2. Sân khuể cái;

3. Thuy miên cái: Tâm hồn trầm không làm chi được;

4. Trạo hồi cái: Trong tâm có sự ăn năn dao động;

5. Nghi cái: đối với việc gì cũng mờ ám, không biện biệt được chơn nguy, tâm du dự không quyết đoán.

[33] Năm món xan:

1. Trụ xứ xan: Chỗ ở chỉ muốn ở một mình không cho người khác ở;

2. Gia xan: đối với nhà của có ý niệm cho là của riêng mình, nếu người khác ở chung cũng cho là mình hơn;

3. Thí xan; có tâm niệm cho rằng chỉ có mình mới được bố thí, ngoài ra không có ai, nếu có cũng cho mình là hơn;

4. Xưng tán xan: Chỉ muốn người khen mình, không muốn ai khen người khác;

5. Pháp xan: Chỉ muốn mình biết kinh luật sâu xa, không thích cho người khác biết.

[34] Năm món kiến:

1. Thân kiến: Vọng chấp thân này thật có;

2. Biên kiến: chấp cái thân này hoặc đoạn (chết là mất) hoặc thường (sống mãi mãi);
3. Tà kiến: không tin lý nhân quả, huỷ báng Tam Bảo;
4. Giới Thủ: đối với pháp sai lầm mà cứ cho là đúng;
5. Kiến thủ: Đối với pháp không phải yên vui mà cứ cho là yên vui.

[35] Năm món tâm:

1. Xúc nhĩ tâm: tâm mới xúc cảnh chưa phân biệt được thiện ác;
2. Tâm cầu tâm: Tâm phân biệt được thiện ác liền theo dõi tìm kiếm;
3. Quyết định tâm: tâm đã rõ biết thiện ác rồi quyết định không sai;
4. Nhiễm tịnh tâm: tâm đã rõ biết nhiễm tịnh;
5. Đẳng lưu tâm: tâm đối với pháp lành thì những mối tịnh tương nối nhau luôn, còn đối với pháp ác thì đoạn cái nhiễm tương mãi.

[36] Sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, ý.

[37] Sáu thức:

1. Nhãn thức: mắt thấy;
2. Nhĩ thức: tai nghe;
3. Ty thức: Mũi ngửi;
4. Thiệt thức: lưỡi nếm;
5. Thân thức: thân chạm xúc;
6. Ý thức sự phân biệt hiểu biết.

[38] Sáu tướng: Do ý thức tướng sắc. Chấp trước sắc tướng đến thỉnh. Chấp trước thỉnh tướng đến hương. Chấp trước hương tướng đến vị. Chấp trước vị tướng đến xúc. Chấp trước xúc tướng đến pháp trần

[39] Sáu thọ: Chỉ cho sự thọ lãnh của sáu căn đối với sáu trần.

[40] Sáu hành: chỉ cho sáu lối hành đạo của ngoại đạo: Nhịn đói, nhảy xuống vực sâu, nhảy vào lửa, chuyên ngồi mãi, yên lặng mãi, thờ trâu, chó...

[41] Sáu ái: Cũng gọi là sáu món xúc, vì sáu căn cảm xúc sáu trần hay sanh lòng tham ái.

[42] Sáu nghi: nghi là tính do dự bởi nghiệp không tin gây nên, nghĩa là sáu căn đối với sáu trần không phân biệt được thiện ác.

[43] Bảy món lậu:

1. Kiến lậu: Mắt trông thấy sắc không rõ sắc với tánh là bình đẳng cứ đắm vào phần sắc tướng mà sanh tâm phân biệt, nhân cảnh tốt xấu mà sanh tâm yêu ghét;

2. Chư căn lậu: Không những nhãn căn mà cả những căn khác cũng thế;

3. Vọng lậu: quên điều lành, dong đuổi theo điều ác;

4. Ác lậu: đối với nghịch cảnh sanh tâm ghét bỏ;

5. Thân cận lậu: không tuân lời thầy dạy, gần gũi bạn ác;

6. Ái lậu: gặp cảnh thuận thì ham mê mãi miết;

7. Nhiễm lậu: không hiểu chân tam vô niệm, cứ dong đuổi theo vọng niệm.

[44] Bảy món sử:

1. Dục sử: sự ham muốn sai khiến;

2. Khuê sử: tánh nóng giận sai khiến;

3. ái sử: Sự thương mến sai khiến;
4. Mạn sử: tánh kiêu mạn sai khiến;
5. Vô minh sử: sự mê muội sai khiến;
6. Kiến sử: sự tà kiến sai khiến;
7. Nghi sử: Sự ngờ vực sai khiến.

[45] Tám món đảo:

1. Sự vật trong thế gian là vô thường mà chấp cho là thường;
2. Ngũ dục lạc không phải vui mà chấp cho là vui;
3. Thân này không phải ta mà chấp cho là ta;
4. Thân này dơ nhớp mà chấp cho là sạch;
5. Pháp thân Phật là thường trụ mà chấp cho là vô thường;
6. Cảnh Niết bàn của Phật là vui mà chấp cho là không vui;
7. Đối với cái ngã chơn thật Phật tánh mà chấp cho là vô ngã;
8. Đối với pháp thân của Phật là thanh tịnh mà chấp cho là bất tịnh. Trong tám món điên đảo chấp trước này, bốn món trước thuộc của phàm phu, bốn món sau thuộc của nhị thừa.

[46] Tám món cấu:

1. Cấu là nhơ bẩn,
2. đối với Tam bảo chẳng những không tín ngưỡng tán thán lại còn phỉ báng.
3. ấy là ba cấu ở ba nghiệp.

4. Bất hiếu với cha mẹ,
5. không kính thờ sư trưởng;
6. Không cứu giúp kẻ bần cùng;
7. Không săn sóc người đau ốm;
8. Không thương xót chúng sinh. Ba điều trước là Kính điền, hai điều kế là Ân điền, ba điều sau là Bi Điền. Tám điều này đều là phước điền cả. Đã không chăm nom ruộng phước ấy mà lại còn không cung kính, không biết ơn, không thương xót cho nên nói rằng vì tám câu mà tạo ra tất cả tội.

[47]

Tám khổ: 1. Sanh khổ; 2. Già khổ; 3. Bệnh khổ; 4. Chết khổ; 5. Khổ vì ân ái biệt ly; 6. Khổ vì oán thù gặp gỡ; 7. Khổ vì mong cầu không được; 8. Khổ vì ngũ uẩn nung nấu.

[48] Chín nảo: Về quá khứ, ai quấy nhiễu mình, quấy nhiễu người thân thích của mình thì mình sanh nảo; ai khen ngợi kẻ oán của mình mình cũng sanh nảo. Quá khứ như thế thì hiện tại, vị lại cũng thế nên gọi là chín nảo.

[49] Chín kết:

1. Ái kết: Say đắm cảnh ngũ dục không rời;
2. Khuê kết: giận dữ bất bình đối với nghịch cảnh;
3. Mạn kết: kiêu căng ngạo nghễ;
4. Vô minh kết: ngu si mờ ám đối với kẻ chân chánh;
5. Kiến kết: Tà kiến không tin nhơn quả;
6. Thủ kết: vọng chấp sự hiểu biết không chơn chánh và giới pháp sai lầm làm lắm điều ác;
7. Nghi kết: Do dự không tin chơn lý, không tu hành theo hạnh chơn tánh;

8. Tận kết: ghen ghét những bậc hiền đức;

9. Xan kết: keo bần không chịu bố thí lại làm nhiều điều ác. Chín điều này ràng buộc chúng sanh trong đường sanh tử vì nó khiến chúng sanh gây nhiều tội lỗi.

[50] Chín duyên:

1. Minh duyên: như ánh sáng mà tỏ rõ các sắc;

2. Không duyên, như trống không, không có gì ngăn ngại mới tỏ được các sự tướng;

3. Căn duyên: duyên theo ngũ căn mới thành công dụng;

4. Cảnh duyên: có năm cảnh trần mới phát ra năm căn;

5. Tác ý duyên: cảnh cáo cho biết, như khi mắt thấy liền cảnh cáo cho thức thứ sáu(ý thức) biết mà phân biệt;

6. Căn bản ý duyên: tức là thức thứ tám;

7. Nhiễm tịnh ý duyên: Tức là mặt na thức;

8. Phân biệt ý thức: tức là thức thứ sáu;

9. Chung tử duyên: Những hạt giống của cả tám thức.

[51] Mười phiền não: Tức là ngũ độn sử và ngũ lợi sử. Ngũ độ sử:

1. Tham dục sử;

2. Sân khuể sử;

3. Vô minh sử;

4. Mạn sử;

5. Nghi sử; Ngủ lợi sử;
6. Thân kiến sử;
7. Biến kiến sử;
8. Tà kiến sử;
9. Kiến thủ sử;
10. Giới thủ sử. ngũ độn sử do ái trước mà có.

Ngũ lợi sử do sự nhận thức sai lầm mà có. Cả hai đều gây nên phiền não.

[52] Mười triền:

1. Vô tâm: Có tội lỗi mà không biết hổ;
2. Vô quý: Có tội lỗi người khác biết được mà không thẹn;
3. Tật: Thấy người hiền đức, giàu sang sinh lòng ghen ghét;
4. Xan: Keo bần không bố thí;
5. Hối: Ăn năn những tội lỗi đã làm;
6. Thuy miên: Hôn mê không tỉnh sát được thân tam;
7. Điệu cử: Tâm niệm xáo động;
8. Hôn trầm: Thần thức hôn mê không rõ, biết chi cả;
9. Sân hận: Đối trước nghịch cảnh hay sanh tâm sân hận;
10. Phú: Che giấu tội ác.

[53] Mười một biến sử:

- 1 Bất tín: Không tin các pháp lành;

2. Giải đãi: Lười biếng không làm những việc lành;
3. Bất tầm: làm điều ác mà không biết hổ;
4. Bất quý: làm việc ác mà không biết thẹn;
5. Đa tham: Tham lam của cải không biết nhàm chán;
6. Đa sân: Những việc không vừa ý thì nổi giận;
7. Đa si: đối với sự lý thế gian và xuất thế gian mê muội không rõ biết;
8. Hôn trầm: tối tăm trầm trệ;
9. Phóng dật: Tâm không muốn làm việc thiện, cứ tự ý buông lung;
10. Xan lạn: tính keo bần chặt hẹp, từ của cải cho đến lời nói cũng đều bo bo không bố thí cho ai;
11. Độc hại: độc ác hơn hùm beo, thường hay kiếm chuyện hại người hại vật.

[54] Mười hai nhập: tức là sáu căn sung động với sáu trần mà phát sinh sáu thức, như đó có sự yêu ghét và tạo nên tội lỗi.

[55] Mười sáu chi kiến:

1. Ngã: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có thật ngã thật pháp;
2. Chúng sinh: đối với pháp ngũ uẩn hoà hợp, vọng chấp có chúng sinh thật sinh ra;
3. Thọ giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta thọ báo trong một kì hạn;
4. Mạng giả: Đối với pháp ngũ uẩn mạng chấp có mạng căn của ta là thật;
5. Sanh giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta hay sanh mọi sự mọi vật;

6. Dưỡng dục: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta nuôi nấng mọi người và cha mẹ ta nuôi nấng ta;

7. Chúng số: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp cho rằng chỉ có ta mới có những pháp số như năm âm, mười hai nhập, mười tám giới;

8. Nhân: vọng chấp cho rằng chỉ có ta mới tu hành được, còn người khác không thể tu được;

9. Tác giả: đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp cho rằng tay chân sức lực của ta có thể làm công việc được;

10. Sử tác giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta hay sai khiến người làm việc;

11. Khởi giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp cho rằng ta hay khởi những nghiệp tội phước ở đời sau;

12. Sử giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp có cái ta hay sai khiến người khác khởi những nghiệp tội phước ở đời sau;

13. Thọ giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp rằng thân ta sẽ thọ quả báo tội phước ở đời sau;

14. Sử thọ giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp cho rằng ta hay khiến người khác thọ quả báo tội phước ở đời sau;

15. Tri Giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp ta có ngũ căn, hay biết được ngũ trần;

16. Kiến giả: Đối với pháp ngũ uẩn vọng chấp ta có nhãn căn hay thấy được tất cả sắc tướng;

Pháp này sở dĩ gọi là Kiến vì vọng chấp ngã nên khởi ra những sự hiểu biết sai lầm (tà kiến)

[56] Mười tám giới: Tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức làm nhờn duyên với nhau mà tạo ra tất cả tội lỗi.

[57] Hai mươi lăm ngã: Cũng gọi là hai mươi năm chủng loại, đạo minh đế. Lối chấp đây là của pháp ngoại đạo Ca-ti-na. Pháp này cũng có tu thiền định, cũng có sức thần thông biết được việc trong tám vạn kiếp, còn việc trước tám vạn kiếp thì mờ mịt không biết được nên cho đó là minh đế. Từ minh cơ, tự tánh sanh ra trí đại cho đến thần đại khai ra thành hai mươi lăm đế hợp lại thành chín vị:

1. Minh sở tự tánh: Phái này đối với tám vạn kiếp về trước mờ mịt nên nhận cho chỗ mờ mịt ấy là tự tánh;
2. Tri Đại: Cũng gọi là giác đại: lúc minh sở giác tri tăng trưởng lần lần nên nói rằng từ minh sở sanh tri đại;
3. Ngã tâm: cũng gọi là ngã mạn tức là ngã chấp là do giác tri sanh ngã mạn nên nói do chi đại sanh ngã tâm;
4. Ngũ duy: Cũng gọi là ngũ vị tức là sắc, thính, hương, vị, xúc, năm thứ ấy do tâm ngã chấp sinh ra nên nói ngã tâm sanh ngũ duy;
5. Ngũ đại: địa, thủy, hỏa, phong, không, năm thứ này đầy khắp các chỗ nên nói là đại;
6. Ngũ tri căn: ngũ căn: nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, gọi là tri, vì năm thứ ấy đều có tri giác; như ngũ đại mà thành nên nói ngũ dục sanh ngũ tri căn;
7. Ngũ tác nghiệp căn ngũ: Căn đây là miệng, tay, chân, tiểu tiện, đại tiện. Sở dĩ gọi là nghiệp vì năm thứ ấy sinh ra các tác nghiệp;
8. Tâm bình đẳng căn: tâm đây là nhục đoàn tâm tức là ý căn. Bởi căn này hay biết tất cả những căn cảnh mà sinh ra sự phân biệt nên gọi là bình đẳng. Nó cũng bởi ngã đại sinh ra hợp với ngũ tri, ngũ tác nghiệp thành tà căn;
9. Thần ngã: thức thú tám; ngoại đạo không biết chấp cho rằng thần ngã hay sinh ra tất cả pháp thường trú, không hư hoại cho đó là Niết bàn là chúa tể của 25 đế, không biết rằng vạn pháp duy tâm cứ mê theo minh tánh, sinh tâm bất tín và khinh khi Tam Bảo, huỷ báng chánh pháp.

[58] Sáu hai kiến: đối với pháp ngũ ấm(sắc, thọ, tưởng, hành thức), mỗi ấm phái ngoại đạo khởi 4 món kiến;

1. Cháp sắc lớn, ngã nhỏ, ngã ở trong sắc;
2. Cháp ngã lớn: sắc nhỏ, sắc ở trong ngã;
3. Ngoài sắc cháp ngã riêng;
4. Ngã tức là sắc. Sắc ẩm như thế thì các ẩm kia cũng thế cộng thành hai mươi kiến trải ba đời nhơn trở thành sáu mươi kiến, thêm hai phần căn bốn là đoạn kiến và thường kiến thành 62 kiến. Ví từng kiến cháp sai lầm ấy nên người đời không chừa một tội lỗi nào mà không làm.

[59] Chín mươi tám món sử: Khổ để trong cõi dục đủ cả mười sử:

1. Tham sử,
2. Sân sử,
3. Si sử,
4. Mạn sử,
5. Nghi sử,
6. Thân kiến sử,
7. Biên kiến sử,
8. Tà kiến sử,
9. Kiến thủ sử,
10. Giới thủ sử, Tập đế, diệt đế mỗi đế chỉ có bảy sử, trừ thân kiến, biên kiến và giới thủ. Đạo đế có tám sử trừ thân kiến và biên kiến. Tứ đế trong cõi dục có 32 sử, ở cõi sắc và vô sắc cũng thế chỉ trừ của mỗi đế một sân sử, còn lại trong mỗi cõi là 28 sử. Cộng 56 sử ở cõi sắc và cõi vô sắc với 32 sử cõi dục thành 88 sử. ở cõi dục có bốn thứ tư hoặc (tham, sân, si, mạn); cõi sắc và vô sắc, mỗi cõi có ba thứ tư hoặc (tham, si, mạn). Thế là mười thứ tư hoặc trong ba mươi cõi với 88 sử (kiến hoặc) thành 98 sử.

[60] Một trăm tám phiền não: Sáu căn đối với sáu trần có ba quan niệm không đồng: 1. Ưa; 2. Ghét; 3. Không ưa, không ghét, nhờn thành mười tám món phiền não. Sáu căn đối với sáu trần sanh ra mười tám món phiền não ấy, lại còn khởi ra mười tám món phiền não nữa là: khổ, vui, không khổ không vui, cộng thành 36. Trong ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai mỗi đời có ba sáu món phiền não, tổng cộng là 108 món phiền não.

[61] Các cửa hữu lậu: Chỉ cho tất cả phiền não lậu lạc trong ba cõi: 1. Dục lậu; 2. Hữu lậu; 3. Vô minh lậu.

[62] Ba cõi: 1. Cõi dục; 2. Cõi sắc; 3. Cõi vô sắc.

[63] Sáu đường: Trời, Người, Tu La, Địa Ngục, Ngã Quỷ, Súc Sinh.

[64] Ba món trí tuệ:

1. Văn: do nghe lời Phật dạy trong kinh luận hay nghe thiện hữu trí thức mà sinh được trí tuệ vô lậu;

2. Tư: Sau khi nghe rồi; so sự nghiệm xét những nghĩa ấy mà sinh được trí tuệ vô lậu;

3. Tu: Do nghe và nghiệm xét rồi gia công tu tập sinh được trí tuệ vô lậu.

[65] Ba món khổ: 1. Khổ khổ; 2. Hành khổ; 3. Hoại khổ.

[66] Ba nguyện lớn: 1. Nguyện độ tất cả chúng sinh, 2. Nguyện Thành Phật Đạo; 3. Nguyện được Niết bàn rốt ráo.

[67] Bốn tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Xả

[68] Bốn tín nghiệp: Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, Tin Giới.

[69] Bốn đường ác: Địa ngục, Ngã Quỷ, Súc Sinh, Tu La.

[70] Bốn vô úy:

1. Nhất thể chí: hiểu biết tất cả pháp thể và xuất thể;

2. Lộ Tận: Hoặc nghiệp sinh tử đều hết;
3. Thuyết chương đạo: Nói pháp ma ngoại là chương thánh đạo;
4. Thuyết tận khổ đạo: Nói những đạo pháp có thể diệt hết các khổ. Bốn điều này phật đối giữa đại chúng các hàng thiên ma, phạm thiên, sa môn, bà la môn, nói một cách tự tại không sợ ai, không ai nói được nên gọi là vô uý.

[71] Năm đường: người, trời, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục.

[72] Năm căn: 1. Tín căn; 2. Tân căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Tuệ căn.

[73] Năm thứ tịnh nhãn:

1. Nhục nhãn: mắt thịt, thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấy trong vì bị sắc chất chướng ngại;
2. Thiên nhãn: Mắt của chư thiên, như tu thiền định mà thành. Mắt này có thể thấy tất cả, xa gần, trước sau, trên dưới, ngày đêm vì không có sắc chất làm ngăn ngại;
3. Tuệ nhãn: Mắt của hàng nhị thừa (Thỉnh Văn, Duyên Giác) quán thấy tất cả pháp đều không;
4. Pháp nhãn: Mắt của Bồ tát. Bồ tát vì độ sanh dùng pháp nhãn thanh tịnh quán khắp tất cả các pháp và tất cả chúng sinh đem những môn phương tiện dạy dỗ họ khiến họ tu chứng;
5. Phật nhãn: Mắt của phật có đủ bốn con mắt trước, nhưng có phần đặc biệt hơn như người thấy rất xa. Phật lại thấy rất gần, người thấy tối tăm Phật lại thấy sáng, cho đến không việc gì mà ngài không thấy, không biết không nghe, không cần đề ý mà đều thấy nghe tất cả.

[74] Năm phần pháp thân: 1. Giới; 2. Định; 3. Tuệ; 4. Giải thoát; 5. Giải thoát tri kiến.

[75] Sáu món thân thông:

1. Thiên nhãn thông: Mắt thấy suốt tất cả không bị vật chi ngăn ngại;
2. Thiên nhĩ thông: Tai nghe thấu tất cả tiếng của chúng sinh không bị vật gì ngăn ngại;
3. Túc mạng thông: Rõ biết kiếp trước của mình và của chúng sinh không bị điều gì ngăn ngại;
4. Thần túc thông: Có thể dạo khắp vô lượng thế tự tại vô ngại;
5. Tha tâm thông: Rõ biết được tâm của tất cả chúng sinh;
6. Lậu tận thông: Tất cả phiền não đều đoạn trừ hết.

[76] Sáu phép lục độ:

1. Bố thí: Đem các món tài pháp ban bố cho tất cả chúng sinh;
2. Trì giới: giữ gìn những giới hạnh;
3. Nhẫn nhục: Nhẫn chịu những nghịch cảnh;
4. Tinh tấn: siêng năng tu tập năm pháp(bố thí...);
5. Thiền định: tâm thường chăm chú cảnh thiện;
6. Trí tuệ: được trí sáng suốt thông đạt, được các pháp và các tuệ đoạn hoặc chứng chơn.

[77] Sáu diệu hành:

1. Sổ diệu: đếm hơi thở để thu nhiếp vọng tâm (từ 1 đến 10);
2. Tuý diệu: Nhiếp tâm theo hơi thở biết hơi ra hơi vào;
3. Chỉ diệu: yên lặng suy nghĩ;
4. Quán diệu: Phân biệt rõ ràng;

5. Hoàng diệu: Chuyển tâm chiếu lại;

6. Tịnh diệu: Tâm không nương tựa vào đâu, không sanh mỗi nghi xằng.

[78] Hoa thất tịnh:

1. Giới tịnh: Động tác của tâm khẩu thanh tịnh;

2. Tâm tịnh: Tâm thanh tịnh không còn nhiễm trước;

3. Kiến tịnh: Thấy được chơn tánh, các pháp không còn khởi vọng chấp;

4. Độ nghi tịnh: Hiểu biết thấu đáo không còn ngờ vực;

5. Phân biệt đạo tịnh: Phân biệt rõ ràng chánh đạo tà đạo;

6. Hành đạo chi kiến tịnh: Chi kiến thật hành thiện pháp, các pháp ác bị đoạn trừ, được thanh tịnh sáng suốt;

7. Niết bàn tịnh: chứng được Niết bàn, xa lìa các cấu nhiễm.

[79] Nước bát giải: tu theo phép quán bát bội xả:

1. Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc: vì muốn diệt trừ lòng tham đắm, người tu hành trước phải quán thân mình là vật nhơ nhớp, nhưng vì còn lòng tham đối với thân người nên cũng phải quán cái thân người khác cũng như thế;

2. Nội vô sắc hương ngoại quán sắc: mới diệt được sắc tướng trong thân, nhưng lòng tham dục đối với người ở cõi dục khó đoạn hết;

3. Tịnh bội xả thân tác chúng: đến đây không còn tham trước tướng bất tịnh ở ngoài, chỉ ở trong cảnh định luyện tập tâm sắc quang minh trong suốt (tịnh bội xả). Tâm đã sáng suốt thì vui càng tăng trưởng đầy khắp trong thân (thân bội xả);

4. Hư không xứ bội xả: Người tu hành diệt được lòng ham muốn sắc thân bất tịnh của mình và của người được như tâm duyên không (cùng với không tương ứng) tức nhập được định (vô biên hư không ứng);

5. Thức xứ bội xả: Do xả nên nói hư không xứ định, nhất tâm duyên thức. Lúc nhập định này tức quán định, nhàm chán không ưa đắm nữa;

6. Vô sở hữu xứ bội xả: Do xả thức xứ, nhất tâm duyên vô sở hữu xứ. Lúc nhập định này tức quán định y nơi năm uẩn đều không thật nên không còn ái trước nữa;

7. Phi hữu tướng phi vô tướng xứ bội xả: Do xả vô sở hữu xứ định, nhất tâm duyên phi hữu tướng, phi vô tướng. Lúc nhập định này y nơi năm uẩn đều không thật nên tâm sinh nhàm chán;

8. Diệt thọ tướng bội xả: Vì nhàm chán cái tâm tán loạn nên nhập định cho diệt hẳn tâm ấy đi, khi đắc định cả rồi thì thành ra 8 đạo giải thoát nên gọi là bát giải.

[80] Cửu đoạn trí: Cái trí đoạn được các hoặc trong tam giới cửu địa; 1. Ngũ thú tập cư địa; 2. Ly sinh hỷ lạc địa; 3. Định sinh hỷ lạc địa; 4. Ly hỷ diệu lạc địa; 5. Xả niệm thanh tịnh địa; 6. Không vô biên xứ địa; 7. Thức vô biên xứ địa; 8. Vô sở hữu xứ địa; 9. Phi phi tướng xứ địa.

[81] Hạnh thập địa; 1. Hoan hỷ; 2. Ly cấu; 3. Phát quang; 4. Diệm tuệ; 5. Nan thắng; 6. Hiện hành; 7. Viễn hành; 8. Bất động; 9. Thiện tuệ; 10. Pháp vân.

[82] Mười một món không:

1. Nội không: Không có tình;
2. Ngoại không: Không có cảnh;
3. Nội ngoại không: Tình, cảnh cảnh đều không;
4. Hữu vi không: Cả sáu cõi phàm cũng không;
5. Vô vi không: Cả pháp xuất thế nhị thừa cũng không;
6. Vô thi không: Không cả quá khứ;
7. Tinh không: Hiện tại không trụ ở chỗ không;

8. Vô sở hữu không: Vị lai vô tận cũng không;
9. Đệ nhất nghĩa không: Các pháp xuất thế cũng đều không;
10. Không không: không cũng không có nữa;
11. Đại không: Tuyệt đối vô ngại không. Đối với cái không ấy đều hiểu chân thật, thường ở trên toà pháp không nên mới được thể tâm tự tại mà có thể chuyển mười hai pháp luân được.

[83] Mười hai pháp luận. Khi phật mới thành đạo, ba lần nói pháp tứ đế cho các vị tùy kheo nghe;

1. Thị chuyển: Nói khổ, tập, diệt đạo.
2. Khuyên chuyển: Khuyên nên nhận biết khổ, tập, diệt đạo;
3. Chứng chuyển: Phật cho biết đó là khổ mà chính phật đã biết rồi không cần biết nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải biết đó: Là tập. Phật đã đoạn rồi, không cần đoạn nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải đoạn: Đó là diệt. Phật đã chứng rồi không cần phải chứng nữa, chỉ bảo các tỳ kheo Phật chứng: Đó là đạo, phật đã tu rồi không cần tu nữa, chỉ bảo các tỳ kheo phải tu. Đó là ba lần, chuyển thành mười hai hành pháp luận

[84] Mười tám món bất cộng:

1. Thân không lỗi;
2. Miệng không lỗi;
3. Niệm không lỗi;
4. Không có tâm hướng khác;
5. Không có tâm bất định ;
6. Không có tâm không biết mà đã xả;

7. Sự muốn không giảm;
8. Tinh tấn không giảm;
9. Niệm không giảm;
10. Tuệ không giảm;
11. Giải thoát không giảm;
12. Giải thoát tri kiến không giảm;
13. Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà hành động ;
14. Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà hành động;
15. Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà hành động;
16. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại;
17. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại;
18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại;
19. Món này nói là bất cộng pháp vì chỉ riêng Phật chứng được mà thôi.

[85] Tám thói xấu: 1. Lợi: Những lợi lộc chỉ muốn có ích cho riêng mình; 2. Suy: Giảm bớt; 3. Huỷ: Huỷ báng; 4. Dự: khen trước mặt chê sau lưng; 5. Xung: Khen; 6. Cơ: Chê bai; 7. Khổ: Bức bách khổ não; 8. Lạc: ý khoan khoái.

[86] Mười hai nhân duyên:

1. Vô minh: Không rõ được bản tính;
2. Hành: Làm những nghiệp lành và dữ;
3. Thức: Chỉ có a lại da thức;
4. Danh sắc;

5. Lục nhập: Sáu căn nhập với sáu trần;
6. Xúc: Sáu căn xúc sáu trần;
7. Thọ: Lãnh nạp những cảnh tốt xấu, khổ, vui;
8. ái: Tham mến nhưng vật tốt đẹp;
9. Thủ: Do sự ham muốn quá nhiều đối với cảnh ngũ trần;
10. Hữu: Vì sự ham muốn tìm cầu nên khởi những nghiệp nhơn thiện ác phải chịu quả báo trong ba cõi;
11. Sanh: Do nghiệp nhơn thiện ác nên phải thọ sanh trong sáu đường;
- 12 . Lão tử: Sau khi thọ sanh thì thân ngũ ấm dần dần biến hoại.

[87] Mười phép ba la mật: 1. Bố thí; 2. Trì giới; 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tấn; 5. Thiền định; 6. Trí tuệ; 7. Thiện xảo phương tiện; 8. Nguyện trên cầu phật đạo dưới hoá độ chúng sinh; 9. Lực dụng: Hạnh mãi, công thành; 10. Trí tuệ: Quyết đoán không lầm.

---o0o---

Quyển Trung

Tất cả chư Phật thương xót chúng sinh mới nói pháp đạo tràng Thủy Sám.
Ngày nay chúng con xin kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, thứ lại sám hối.

Đến nay thân tâm chúng con được yên tịnh, trong không bị phiền não đối gạt, ngoài không bị chướng nạn ngăn trở, chính là lúc sinh thiện diệt ác, lại phải thực hành bốn món quán hạnh, để làm phương tiện dứt tội.

Bốn món quán hạnh là:

- 1) Quan sát nhân duyên,
- 2) Quan sát quả báo,
- 3) Quan sát thân mình,
- 4) Quan sát thân Như Lai

Thứ nhất quan sát nhân duyên: Biết mình có tội, do vô minh suy nghĩ xằng bậy, không sức chính quán, không biết tội lỗi xa lìa bạn tốt, xa lìa chư Phật, Bồ tát, theo dõi đường ma lối hiểm, như cá nuốt câu không biết tai họa, như tằm làm kén tự ràng buộc mình, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa tự thiêu đốt mình, do nhân duyên ấy không thể giải thoát

Thứ hai quan sát quả báo: Vì những ác nghiệp nên phải luôn chuyển mãi trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) chịu quả khổ vô cùng, chìm đắm trong đêm dài, biển lớn bị lũ quỷ La sát phiền não ăn thịt, sự sinh tử sau này mệnh mang không bờ bến. Dầu cho phúc báo được làm đến bậc chuyển luân thánh vương, thống trị bốn châu thiên hạ, bay đi tự tại, đủ các thất bảo, sau khi chết cũng không khỏi đường ác, dầu được hưởng quả báo tứ không thiên[1], cao nhất trong ba cõi, khi phúc đã báo hết rồi còn phải trở lại làm trùng trong yếm trâu, huống những kẻ không phúc đức gì lại giải đãi không siêng năng sám hối, thế chẳng khác chi ôm đá gieo mình xuống vực sâu, khó mong ra khỏi.

Thứ ba quan sát thân ta: tuy có chính nhân giác tính, nhưng bị phiền não hắc ám che lấp, không có sức liễu nhân, thành ra bản tính vốn sáng suốt kia, không tỏ rõ được. Ngày nay cần phải phát tâm thù thắng phá tan màn vô minh, dẹp hết chương ngại điên đảo, diệt trừ nguyên nhân hư nguy của sinh tử, làm sáng tỏ của trí tuệ, sáng suốt của Như Lai, đừng gây dựng quả Niết Bàn vô thượng.

Thứ tư quan sát thân Như Lai: Vô vi tịnh chiếu, xa bốn cấu[2] bất trăm lỗi[3], đầy đủ các đức trạm nhiên thường trú, dầu phương tiện vào diệt độ, nhưng lòng từ bi cứu vớt chúng sinh không hề tạm nghỉ.

Khởi tâm quan sát như thế, tức là bến lành để diệt tội, là hạnh cốt yếu để trừ nghiệp chướng. Vì vậy ngày nay chí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con nuôi thêm phiền não, ngày càng sâu dày, càng nảy nở, che đầy tuệ nhãn không thấy được lẽ chân nguy, dứt trừ mọi việc lành không cho nối tiếp nhau, khởi phiền não làm trở ngại không được thấy Phật, không nghe chính Pháp, không gặp Thánh Tăng; khởi phiền não làm trở ngại không thấy được nghiệp lành nghiệp dữ trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai và pháp xuất ly; khởi phiền não làm trở ngại không được địa vị tôn quý ở cõi trời, cõi người; khởi phiền não làm trở ngại không được sinh vào cõi sắc, cõi vô sắc để hưởng phúc báo yên vui thiên định; khởi phiền não làm trở ngại không được phép thần thông tự tại, bay, đi, ẩn, hiện đến khắp các cõi Phật trong mười phương để nghe pháp; khởi phiền não làm trở ngại không học được phép quán đếm hơi thở để tâm khỏi tán loạn, phép quán về bất tịnh để ngăn ngừa tâm ham muốn, phép quán về nhân duyên để dứt bỏ tâm si mê; khởi phiền não làm trở ngại không học được phép noãn, đánh, nhũn, đê, nhứt, bảy phép phương tiện[4]; khởi phiền não làm trở ngại, không học được những phép từ, bi, hỷ, xả, văn, tư, tu; khởi phiền não làm trở ngại

sự hiểu biết về quán hạnh của ba món không, bình đẳng, trung đạo[5]; khởi phiền não làm trở ngại không học những phẩm trợ đạo, niệm xứ, chính cần, căn, lực và ý túc; khởi phiền não làm trở ngại không học đạo bát chính chỉ rõ về phần tướng; khởi phiền não làm trở ngại sự học đạo thất giác chỉ không chỉ về hình tướng; khởi phiền não làm trở ngại không học đạo bát giải thoát cửu không định[6]; khởi phiền não làm trở ngại sự học các phép thập trí, tam tam muội[7], khởi phiền não trở ngại những phép lục độ, tứ vô ngại[8], tứ đẳng[9], khởi phiền não làm trở ngại sự học phép tứ nhiếp[10] để giáo hoá khắp chúng sinh; khởi phiền não làm trở ngại sự học bốn hồng thệ[11] của Đại thừa tâm: khởi phiền não làm trở ngại sự học những phép thập minh[12], thập hạnh[13], khởi phiền não làm trở ngại sự học phép thập hồi hướng[14], thập nguyện[15]; khởi phiền não làm trở ngại sự học minh giải của các ngôi sơ địa, nhị địa, tam địa, tứ địa[16]; khởi phiền não làm trở ngại sự học những điều tri kiến của các ngôi, ngũ địa, lục địa, thất địa[17]; khởi phiền não làm trở ngại sự học phép song chiếu của các ngôi bát địa, cửu địa, thập địa[18]; khởi phiền não làm trở ngại sự học những hạnh tu trong trăm vạn a tăng kỳ kiếp.

Những chướng ngại sự tu hành ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hết lòng thành khẩn hướng lên mười phương chư Phật, tôn Pháp, Thánh chúng, hết sức hổ thẹn cầu xin sám hối, nguyện xin dứt sạch.

Nguyện thờ công đức sám hối tất cả các phiền não làm trở ngại sự tu hành, chúng con được thụ sinh tự tại, khắp nơi khắp chốn muốn được ở không bị nghiệp cảm chất chứa xoay chuyển, lại còn dùng phép thần thông như ý, trong khoảnh khắc đã dạo khắp mười phương vừa trang nghiêm thanh tịnh các cõi Phật, vừa nhiếp hoá tất cả chúng sinh. Những cảnh giới thiền định rất cao thâm, cùng những sự thấy biết của chư Phật, chúng con nguyện hiểu thấu một cách vô ngại, tâm thường bao quát tất cả các pháp, tự tại diễn nói, không bị nhiễm trước, được tâm tự tại, pháp tự tại, phương tiện tự tại, khiến những phiền não ngu dốt kết tập lâu đời, đều được dứt hẳn, không còn tiếp nối, để chúng được thánh vô lậu, sáng chói như mặt trời.

Phát nguyện rồi xin đem cả thân mệnh kính lễ chư Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể đến sám hối.

Chúng con.....đã lược sám những phiền não chương, giờ xin theo thứ lớp sám hối những nghiệp chương[19]. Nghiệp lực tu bởi các nẻo, bất cứ chỗ nào cũng bị đắm nhiễm, không chịu suy nghĩ để mong cầu giải thoát. Bởi vậy nên quả báo trong sáu đường không đồng nhau, hình thể mỗi loài một khác. Thế mới biết đó do nghiệp lực gây ra trong mười lực[20] của Phật, nghiệp lực sâu thẳm hơn hết.

Kẻ phàm phu phần nhiều hay sinh lòng nghi hoặc. Vì thấy ở đời người làm lành lại gặp nhiều trắc trở, kẻ làm ác mà được mọi sự an hoà, mới cho rằng việc lành dữ không có phân minh, người chấp như thế bởi không đạt thấu lý sâu xa nghiệp báo. Kinh nói có ba thứ nghiệp báo:

Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Hiện báo là tức là trong đời này làm việc thiện ác thì ngay thân mà chịu quả báo. Sinh báo tức là trong đời này làm việc thiện ác, qua đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo tức là

trong vô lượng kiếp về quá khứ đã làm việc thiện ác, đến đời này hoặc vô lượng kiếp về sau mới chịu quả báo.

Còn người bây giờ làm ác mà gặp may mắn bởi do những nghiệp lành sinh báo, hậu báo đã thuần thục trong kiếp quá khứ, nên mới hưởng quả tốt đẹp. Như thế không phải trong đời này làm ác mà được quả báo tốt. Những người bây giờ làm lành lại bị khổ sở, do những nghiệp ác sinh báo, hậu báo đã thuần thục trong kiếp quá khứ, nên những mầm thiện ngày nay sức yếu không thể ngăn dẹp những nghiệp ác ấy, nên phải chịu quả khổ.

Đâu phải trong đời này làm lành mà chịu ác báo. Lại thấy trong đời những kẻ làm lành, được người khen ngợi kính trọng, nên biết ngày sau ắt được hưởng quả vui sướng. Chúng ta về quá khứ đã có những nghiệp ác như thế, nên Chư Phật Bồ Tát dạy phải gần gũi bạn lành, cùng làm phép sám hối. Gặp được bậc thiện tri thức là điều lợi lớn cho sự tu hành đắc đạo. Vì thế ngày nay chúng con xin chí thành quy y Phật.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con chất chứa nghiệp ác nhiều như cát sông hằng, gây tội lỗi đầy cả hai đại địa, hết bỏ thân này lại thụ thân khác, không hay không biết, hoặc phạm tội ngũ nghịch[21] sâu dày, trói buộc nặng nề gây nên tội vô gián[22] hoặc gây nên tội xiển đề[23] thành nghiệp bỏ mất căn lành, khinh chê lời Phật dạy thành nghiệp báng bỏ kinh điển đại thừa, phá diệt Tam Bảo thành nghiệp huỷ hoại chính pháp, không tin tội phúc thành nghiệp thập ác[24], hiểu lầm chân lý làm trái chính pháp thành nghiệp si mê, bất hiếu cha mẹ thành nghiệp ngang trái, khinh mạn sư trưởng thành nghiệp không kính lễ, thất tín bạn bè trở thành nghiệp bất nghĩa, phạm tội tứ trọng[25], bát trọng[26] thành nghiệp làm trở ngại thánh đạo, huỷ phạm năm điều răn cấm thành nghiệp phá giới bát quan trai[27] phạm ngũ thiên sát tự[28] thành nghiệp nhiều phạm giới, phạm giới ưu bà tắc[29] thành nghiệp khinh trọng câu[30] trước khi thọ giới, sau khi thọ giới làm nhiễm ô phạm hạnh[31], mỗi tháng không ăn chay sáu ngày thành nghiệp giải đãi, mỗi năm không ăn chay luôn ba tháng thành nghiệp tu không thường, không giữ gìn ba nghìn uy nghi thành nghiệp không đúng giới pháp, không giữ gìn tám vạn luật nghi thành nghiệp vi tế tội, hoặc gây ra nghiệp không tu thân giới, tâm tuệ, hoặc gây nên nghiệp tám, ngày vướng xuân thu[32] tạo các tội lỗi, hoặc gây nên nghiệp làm mười sáu món ác luật ghi[33] hoặc gây nên nghiệp đối với chúng sinh không lòng thương xót, gây nên nghiệp không lân mẫn, không cứu giúp, ôm lòng đố kỵ thành ra nghiệp không cứu độ mọi loài, còn có chỗ oan thân thành ra nghiệp không bình đẳng, say đắm ngũ dục thành ra nghiệp không nhàm lìa, hoặc vì cơm áo, vườn rừng, ao hồ, thành ra nghiệp

phóng đảng, dâm dật, hoặc vì tuổi trẻ phóng túng dục tình tạo ra các tội lỗi, hoặc tạo nghiệp lành hữu lậu để hồi hướng cầu sinh trong ba cõi thành nghiệp ngăn ngại pháp xuất thế[34]

Những tội lỗi ấy vô lượng vô biên, ngày nay chúng con hướng về mười phương Chư Phật, Tôn Pháp, Thánh chúng xin giải bày xám hối.

Nhờ phúc lành sám hối các tội lỗi vô minh, ác nghiệp dứt sạch, được sinh phúc lành, nguyện chúng con đời đời kiếp kiếp diệt được tội ngũ nghịch, trừ hoặc nghiệp xiển đề. Tất cả nghiệp ác vừa nặng vừa nhẹ, từ nay trở đi đến khi thành Phật, thề không dám phạm. Chúng con nguyện thường chăm lo tu tập những thiện pháp xuất thế[35] thanh tịnh, chuyên trì giới luật tinh nghiêm, giữ gìn uy nghi như người qua biển mến tiếc phao nổi. Những pháp lục độ, tứ đẳng tâm (từ, bi, hỷ, xả), thường nêu trước cả muôn hạnh, những phẩm Giới, Định, Tuệ càng thêm sáng tỏ, mau thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô úy, ba niệm đại bi, diệu trí thường lạc, tám món tự tại[36] của đức Như Lai. Chúng con.....nguyện quy y chư Phật, xin rửa lòng từ bi hộ niệm.

Trước chúng con đã sám hối chung cả các nghiệp, nay lại xin theo thứ lớp sám hối riêng từng tội một. Những tội lỗi ấy hoặc chung (tội do ba nghiệp gây ra), hoặc riêng (tội do một trong sáu căn gây ra) hoặc to (tội do thân gây ra), hoặc nhỏ (tội do ý gây ra), hoặc nhẹ (tội do vô tâm gây ra) hoặc nặng (tội do sự cố ý gây ra), hoặc nói (thứ tội ai cũng biết), hoặc không (tội do một mình mình làm, một mình mình biết), có từng phẩm loại chúng con nguyện đều dứt hết. Sám hối riêng từng tội. Trước sám hối ba nghiệp của thân, sau sám hối bốn nghiệp của miệng, còn lại những nghiệp chướng khác, lần lượt xin sám hối tất cả.

Ba nghiệp của thân, thứ nhất là nghiệp giết hại, như kinh đã nói: “Dung thứ kẻ khác như dung thứ mình, chớ giết, chớ đánh”. Tuy loài cầm thú cũng biết bảo tồn thân mệnh sợ chết như mình. Nếu tìm xét kỹ thì các chúng sinh từ vô thủy lại, hoặc đã là cha mẹ, anh em hoặc đã là bà con quyến thuộc, nhưng bởi nhân duyên nghiệp báo, nên phải luân hồi sáu nẻo, ra vào đường sinh tử, thay hình đổi dạng không còn nhận biết lẫn nhau. Nay chúng ta đang tâm giết hại ăn thịt, như thế rất tổn hại lòng Từ Bi. Vì thế Phật dạy: “Giả sử được ăn các món rau quả còn tưởng tượng như trong đời đói khát phải ăn thịt con, huống là ăn cá thịt”. Phật lại dạy: “Vì lợi giết chúng sinh, lấy tiền mua thịt cá, cả hai đều là ác nghiệp, sau chết堕 vào địa ngục rên siết”. Vì thế nên biết giết hại loài vật và lấy thịt ăn, tội sâu như sông biển, nặng như gò núi.

Song từ vô thi đến nay, chúng con vì không được gặp bạn lành nên mới tạo những nghiệp ấy. Kinh dạy: “Tội giết hại thường làm chúng sinh堕 vào địa ngục, ngã quỷ để chịu khổ báo. Nếu đầu thai trong loài súc sinh phải chịu làm thân hùm, beo, chó sói, bò cạp, hoặc làm thân rắn độc, rết độc, ôm lòng hiểm ác, hoặc làm thân hươu nai, thỏ beo, luôn luôn sợ hãi. Nếu được làm người, mắc phải hai thứ quả báo: Một là nhiều bệnh, hai là chết yểu.

Sự giết hại loài vật ăn thịt, đã gây biết bao ác báo như thế, ngày nay chúng con chỉ thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thi đến nay, khi có tâm thức này, thường ôm lòng thâm độc, không dạ xót thương hoặc vì tham lam mà giết, hoặc vì giận dữ si mê khinh mạn mà giết, hoặc dùng phương tiện độc ác mà giết, hoặc thề giết, nguyên giết, dùng phù chú giết v.v...hoặc phá hồ tháo nước, thiêu đốt núi rừng, săn bắn chài lưới, hoặc nhân khi gió phóng lửa, hoặc thả chim săn, chó săn làm náo hại tất cả mọi loài. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối. Hoặc dùng cạm bẫy hầm hố, câu liêm kích, cung nỏ bắn chết những loài chim bay, thú chạy hoặc dùng lưới rập, thả câu để đơm bắt những loài dưới nước làm cho tất cả những giống ở nước: cá, ba ba, trạch, dọt, ốc, tôm, hến... ở mặt đất, trên không chẳng còn chỗ nào chốn núp; hoặc nuôi gà, heo, dê, chó, ngỗng vịt để tự mình giết ăn, hoặc mượn người làm thịt, khiến tiếng kêu thương của chúng chưa dứt mà lông cánh đã rơi rụng, mai vảy đã tan nát, đầu một nơi, thân một ngã, xương thịt tiêu tan, lột, xé, mổ, cắt, đốt, thui, nấu, nướng đau đớn biết dường nào. Than ôi! ý sức mạnh giết hại loài vô tội ăn thịt, chỉ sướng miệng một lúc, được chút vị ngon, bất quá vì ba tác lưới mà phải mang lấy tội báo kiếp kiếp đời đời. Những tội ác như thế, ngày nay chúng con xin chỉ thành sám hối.

Lại từ vô thi đến nay hoặc khởi binh đánh nhau, giao tranh nơi biên trường, hai bên giáp mặt, giết hại lẫn nhau, hoặc tự mình giết, hoặc sai người giết, hoặc nghe ai giết sinh tâm vui mừng, hoặc tập làm nghề mổ heo bò, đi làm thịt mướn, xẻ nấu thân mệnh loài vật, gây nhiều việc bất nhẫn, hoặc giận giữ khoa mác múa dao, hoặc chém hoặc đâm, hoặc xô xuống hầm hố, hoặc nhấn chìm dưới nước, hoặc lấp hang phá ổ, hoặc lấy đất đá ngăn lấp, hoặc dùng xe ngựa lăn cán dày đập tất cả chúng sinh. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin giải bày sám hối.

Lại từ vô thi đến nay: Hoặc phá thai, đập trứng, dùng trùng độc, thuốc độc diệt hại chúng sinh, hoặc khai khẩn đất cát, trồng cấy vườn ruộng, nuôi tằm, ươm kén, giết hại càng nhiều; hoặc đập đuổi ruồi muỗi, nhặn cắn chí rận,

hoặc đốt rác dơ bẩn, khai thác ngòi rãnh giết hại loài vật, hoặc ăn trái cây, dùng thóc gạo, rau dưa, phải giết càn chúng sinh; hoặc đốt củi thấp đèn đuốc, thiêu chết các loài côn trùng; hoặc lấy tương dấm không khuấy động trên mặt; hoặc đổ nước sôi làm chết sâu kiến, cho đến khi đi, đứng, nằm, ngồi cũng thường giết hại chúng sinh nhỏ nhít bay trên không bám dưới đất. Bởi phạm phu tâm thức tối tăm không hay biết mới phạm phải các tội, ngày nay đều xin giải bày sám hối. Lại từ vô thủy đến nay, đối với chúng sinh, hoặc dùng roi, gậy, gông, xiềng, hoặc dùng kim kẹp tra khảo, đánh vật thoi đập, lấy dây trói buộc giam cầm, tuyệt hẳn cơm nước, dùng những cách độc ác làm khổ não chúng sinh, ngày nay chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội giết hại ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được thân hình bền chắc như kim cương, sống lâu vô cùng, xa lìa oán ghét, không còn nghĩ đến những việc giết hại. Đối với chúng sinh coi như con một. Nếu thấy bị tai nạn nguy cấp thì trước tùy phương tiện giải cứu, không lẩn tiếc thân mệnh, rồi sau mới đem chính pháp nhiệm màu nói cho, khiến chúng sinh thấy hình thấy bóng đều được an vui, nghe tên nghe tiếng liền sợ hãi. Vì thế ngày nay, chúng con xin cúi đầu quy y theo Phật.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, kể đến sám hối nghiệp trộm cướp.

Trong kinh nói: “Vật của người khác thì người đó giữ. Dầu một lá rau, cọng cỏ mà họ không cho cũng không được lấy, huống chi trộm cướp”. Nhưng vì chúng sinh chỉ thấy lợi trước mắt nên lấy một cách trái đạo, đến nỗi sau này phải chịu tai ương. Bởi vậy kinh nói: “Tội trộm cướp làm chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngã quỷ, chịu khổ vô cùng”. Nếu đầu thai trong đường súc sinh, phải chịu làm thân trâu ngựa, la, lừa, lạc đà.v.v...đem thân máu thịt của mình trả nợ kiếp trước cho người. Nếu được làm người, phải chịu làm thân tôi mọi kẻ khác, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ bữa, bần cùng khốn khổ, lễ sống của con người hầu như không còn gì nữa. Sự trộm cướp đã có khổ báo như thế, ngày nay chúng con trí thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc trộm tiền tài, bảo vật kẻ khác, hoặc cầm dao cưỡng đoạt hoặc tự mình xông đến bức người lấy của, hoặc ý quyền nường vào thế lực, dùng kim to kẹp lớn ép chế oan người lương thiện, hoặc thâm tiền rút lót của bọn gian, đánh thẳng người ngay buộc cho là tà vạy, vì những nguyên nhân ấy khiến họ sa vào lưới pháp luật, hoặc ăn tiền của kẻ dưới khiến họ dung túng làm bậy, hoặc lấy của công làm lợi riêng, lấy của riêng vào việc công, làm tổn hại người kia đem lợi cho người này, làm tổn hại người này đem lợi cho người kia, lấy bớt của kẻ khác làm lợi cho mình, miệng hay nói bố thí mà tâm thì bòn sẻn, ăn cắp thuế ruộng, thuế chợ, trốn thuế đồ ải, bớt của công để dùng vào việc riêng, dẫu mưu dịch để sai làm việc mình. Những tội như thế ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc chỗ bạn bè qua lại sư Tăng đồng học hay cha mẹ anh em, bà con quyến thuộc cùng ở chung nhau, mà trăm món cần dùng lừa dối gạt gẫm nhau, hoặc đối xóm riêng gần gũi dòi rào, xê tường, xâm lấn đất

nhà người khác, đổi mồi thay nêu, cướp giựt tiền của, bao chiếm ruộng vườn, mượn tiếng việc công để làm lợi riêng, sang đặt hàng quán rầy bái của người. Những tội như thế ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thi đến nay, hoặc đánh phá thành ấp, đốt làng phá dậu (hàng rào) buôn bán lương dân, dụ dỗ tội tở của người, hoặc áp chế oan những kẻ vô tội, hoặc bị đâm chém máu rơi thịt nát, thân bị đầy ải, gia sản tan nát, cốt nhục chia lìa, mỗi người một cõi, sống chết cách tuyệt. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay đều xin sám hối.

Lại từ vô thi đến nay, buôn bán hàng hoá, lập quán đổi trác đồ vật, dùng cân non, đấu nhỏ, giảm bớt thước tắc, xén lẩn phân thù[37] lường gạt từng li, đem của xấu đổi lấy của tốt, đem thứ ngắn đổi thứ dài, giả dối trăm chiều để mong cầu chút lợi. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thi đến nay, hoặc khoét vách đào tường, chặn đường cướp đoạt, hoặc trôn nợ, xén bớt tài lợi, hoặc phụ tình trái hẹn, ngoài mặt lừa dối, trong lòng mưu toan, hoặc cướp giựt trái đạo, đồ vật của quỷ thần, cầm thú, chúng sinh, hoặc mượn cớ coi quẻ coi tướng để gạt lấy tài sản của người, như thế cho đến đem lợi cầu lợi, cầu cách vô đạo, cầu cách tham lam, không biết chán, không biết đủ. Những tội lỗi như thế vô lượng vô biên, không thể nói hết, ngày nay chúng con chí thành, hướng về mười phương Chư Phật, Tôn Pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nguyện do công đức sám hối những tội trộm cướp ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp ngọc như ý thường xuất sinh bảy món trân bảo, y phục cực đẹp, đồ ăn đủ vị, đủ các thứ thuốc men, tùy ý muốn vật chi tức có liền vật ấy, lại nguyện cho tất cả chúng sinh không ai còn tưởng đến sự trộm cướp, ít ham muốn, biết vừa đủ, không đắm nhiễm, thường vui lòng bố thí, thực hành đạo cứu tế, bỏ đầu, mắt, tuỷ, não như đã bỏ đờm rãi, để mong thành tựu bố thí ba la mật.

Kể đến chúng con..... xin sám hối tội tham ái. Trong kinh nói: “Chỉ vì tham dục nên bị giam hãm trong ngục si mê, chìm đắm trong vòng sinh tử, không biết ngõ ra”. Chúng sinh vì say đắm ngũ dục, nên từ xưa tới nay bị lưu chuyển mãi trong đường sinh tử. Giá cứ lấy xương tất cả chúng sinh trong muôn ngàn kiếp chất đồng lại thì bằng núi Tỳ phú la ở thành Vương xá, sữa mẹ cho bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong mình chảy ra còn hơn thế nữa, nước mắt cha mẹ anh em bà con quyến thuộc thương khóc khi lâm chung cũng nhiều như nước bốn biển. Vì thế nên nói:

Còn tham ái thì còn sinh tử, hết tham ái thì hết sinh tử diệt. Thế mới biết tham ái là gốc sinh tử. trong kinh nói: “tội dâm dục hay khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngã quỷ, chịu khổ vô cùng”; Nếu ở trong loài súc sinh phải làm chim bồ câu, chim sẻ, chim uyên ương. Nếu sinh trong loài người thì gặp vợ (hay chồng) phụ bạc, bà con toàn với những người trái ý. Sự dâm dục có quả báo xấu xa như thế, nên ngày nay chúng con trí thành cầu ai sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con hoặc quyến rũ mê thiếp chiếm đoạt vợ con của người, hoặc làm ô nhục ni cô, phá phạm hạnh người khác, hiếp bức một cách vô đạo, đem tâm bất chính, xem ngó lăng lợ, nói cười bốn cợt, hoặc điểm nhục thanh danh gia tộc của người, hoặc làm nhơ tiếng tốt của người, hoặc làm hạnh bất tịnh với năm hạng người bán nam bán nữ. Những tội như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội dâm dục ấy, đời đời kiếp kiếp được tự nhiên hoá sinh, không do bào thai, được thanh khiết sáng sủa, tướng mạo quang minh, sáu căn tỏ rõ, thông minh lanh lợi, hiểu rõ ân ái là cùm xích bó buộc, xét kỹ sáu trần là trò huyễn hoá, mà quyết định xa lìa cảnh ngũ dục, cả đến trong giấc mộng cũng không nghĩ điều bất chính, những điều mê hoặc ở trong ở ngoài, không thể động tâm.

Sám hối phát nguyện rồi, chúng con xin đem hết thân mệnh kính lễ Tam Bảo.

Chúng con trước đã sám hối ba nghiệp ác của thân, nay xin theo thứ lớp sám hối bốn nghiệp của miệng.

Trong kinh nói: Những tội, nghiệp do miệng gây ra, thường làm chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngã quỷ chịu khổ vô cùng. Nếu đầu thai vào loài súc sinh phải làm thân chim cú, chim mèo, tiếng kêu đáng ghét. Nếu được sinh vào loài người, thì hơi miệng hôi thối, nói không ai tin, còn trong bà con quyến thuộc thường xảy bất hoà, đánh lộn cãi lẩn. Nghiệp của miệng đã có những ác quả như thế, nên ngày nay chúng con chí thành qui y Tam Bảo cầu xin sám hối. Chúng con.....từ vô thủy đến nay, vì nghiệp ác khẩu nên phải ở trong bốn nẻo, sáu loài, tạo nhiều tội lỗi, nói năng thô tháo, lời lẽ hung bạo ngang tàng, không biết tôn ty, đối với kẻ thân người sơ, kẻ sang người hèn, hơi trái ý mình, đã nổi giận hờn la mắng, mắng nhiếc huỷ nhục nhiều điều hèn hạ xấu xa, ác độc, không chừa điều chi, khiến cho người khác ôm hận suốt đời không quên, gây hoạ kết thù chẳng bao giờ dứt, lại còn oán thán trời đất, trách móc qui thân, chê bai các bậc hiền thánh, vu

oan điểm nhục người lương thiện. Những tội nghiệp do ác khẩu gây ra như thế thật vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối. Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói dối, tạo ra bao nhiêu tội lỗi: Trong ý mong cầu danh dự, lợi dưỡng, giấu diếm tình thực, dối trá đủ điều, trong tâm mê muội, ngoài mặt dạn dày, chuyện có nói không, chuyện không nói có, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, nghe nói không nghe, không nghe nói nghe, biết nói không biết, không biết nói biết, làm nói không làm, không làm nói làm, khi miệt thánh hiền, lường đảo dối hoặc người đời, đến như cha con, vua tôi, họ hàng, bè bạn mà nói năng gì cũng không khi nào thành thực, khiến người khác lầm nghe mình đến nỗi phải tan nhà mất nước. Lại còn giả trò yêu thuật, thường tự khen mình, khoe mình đã chứng tới bậc tứ thiên[38], tứ vô sắc định[39], an na bát na[40], mười sáu quán hạnh, chứng bậc Tu đà hoàn, đến bậc A la hán, Bích Chi Phật, bậc Bất thoái Bồ Tát và thiên long quý thần, thần gió, thần đất đều đến bên mình, lại bày trò lạ mê hoặc lòng người để mong cung kính cúng dâng, bốn món cần dùng. Những tội nghiệp do vọng ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói thêu dệt (ỷ ngữ) tạo ra bao nhiêu tội lỗi: dùng âm từ hoa mỹ, văn chương bóng bẩy, xuyên tạc sự sai lầm, trang sức điều trái quấy, khéo đặt những bản ca hát hình dung vẻ yêu kiều, mô tả thói dâm ô, khiến cho hạng trung lưu, hạ lưu động tâm dăng tính, say đắm tử sắc không thể tự giác. Hoặc phóng túng tư thù, không kể lời nghị bàn công chính, dẫu người kia là bậc trung thần, hiếu tử hay là chí sĩ, hiền nhân vẫn cứ làm văn thêu dệt lên tội, để người đời sau tin cho là thật, khiến người kia phải ôm hận dưới cửa tuyến không biết đâu biện bạch.

Những tội nghiệp do ỷ ngữ gây ra như thế, vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì nghiệp nói hai lưỡi gây ra bao nhiêu tội lỗi: khen trước mặt, chê sau lưng, sảo trá trăm chiều, tới người kia nói chuyện người này, tới người này nói chuyện người kia, chỉ biết lợi mình, không nhìn hại đến kẻ khác, dèm siểm để ly gián vua tôi, vu oan huỷ nhục người lương thiện, để cho vua tôi nghi kỵ nhau, cha con bất hoà nhau, vợ chồng để bỏ nhau, họ hàng thân thích xa nhau, làm mất ơn thầy trò, dứt đường lui tới bạn bè, cả đến làm cho hai nước đang giao hảo phải huỷ bỏ minh ước, mất hoà khí, gây sự oán thù, đem binh đánh nhau, giết hại trăm họ. Nghiệp nói hai lưỡi gây ra tội lỗi vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành

hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, đều xin giải bày cầu ai sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối bốn nghiệp ác khẩu, đời đời kiếp kiếp được đầy đủ tám thứ âm thanh, bốn món biện tài, thường nói những lời hoà hợp lợi ích, giọng nói thanh nhã ai cũng muốn nghe, lại được hiểu rõ ngôn ngữ chúng sinh. Nếu có nói chi đều được thích hợp căn cơ, khiến cho ai nghe cũng được tỏ ngộ, nhập thánh siêu phàm, mở phát tuệ nhãn.

Sám hối và phát nguyện rồi xin đem hết thân mệnh kính lễ Tam Bảo.

Trước đã làm sám hối ba nghiệp ác của thân, bốn nghiệp ác của miệng, nay xin theo thứ lớp sám hối những tội chương do sáu căn gây ra.

Chúng con..... từ vô thi đến nay, mắt vì hình sắc ở ngoài làm mê hoặc, ham thích những màu đen, vàng, đỏ, tím, xanh, cùng những đồ chơi trang sức quý giá; hoặc thấy tướng mạo đàn ông, đàn bà cao, thấp, trắng, đen, cử chỉ yêu kiều diễm lệ, mà khởi ra tư tưởng phi pháp; hoặc tai ham nghe tiếng hay như cung, thương, đàn, sáo, ca hát, trò vè, hoặc nghe những động thanh tao, lời ăn nói tiếng khóc cười của đàn ông, đàn bà mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc mũi thích ngửi mùi thơm của gỗ trầm, gỗ chiên đàn, long não, xạ hương hay mùi thơm của cây uất kim[41], cây tô hợp[42] mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc lưỡi ham nếm những vị ngon lành, tươi tốt, ngọt béo nên phải lấy máu thịt chúng sinh, để nuôi thân tứ đại, vun quén thêm cội khổ, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc thân mình ham muốn sự loè loẹt, gấm, vóc, lụa, là, tất cả những thứ mượt dịu, y phục đẹp đẽ bằng thất trân, mà khởi ra những tư tưởng phi pháp; hoặc ý hay loạn tưởng nên gặp đâu cũng trái pháp. Bởi sáu căn tạo ra tội nghiệp vô lượng vô biên như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn pháp, Thánh chúng, đều xin sám hối.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhãn căn gây ra, chúng con nguyện mắt này thấy xuất phát thân thanh tịnh của mười phương chư Phật, Bồ Tát, không bằng sự sai biệt.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do nhĩ căn gây ra, chúng con nguyện tai này thường được nghe chính pháp của mười phương Chư Phật, hiền thánh đã nói và thực hành đúng theo giáo pháp ấy.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do ty căn gây ra chúng con nguyện mũi này thường ngửi hương thơm nhập pháp tính ở cõi Hương Tích, xa lìa mùi hôi thối bất tịnh của sinh tử.

Nhờ công đức sám hối do thiết căn gây ra chúng con nguyện lưỡi này thường ăn món ăn thiền, duyệt pháp thực, không tham mùi máu thịt của chúng sinh.

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do thân căn gây ra, chúng con nguyện thân này mặc được “áo Như Lai” khoác “giáp nhẫn nhục”, nằm “giường vô úy”, ngồi “toà pháp không”[43].

Nhờ công đức sám hối tội lỗi do ý căn gây ra, chúng con nguyện ý này thành tựu được mười lực thông suốt được năm minh[44], xét do ý chân không bình đẳng của hai đế[45], theo trí tuệ phương tiện vào được dòng nước pháp tính, niệm niệm sáng suốt, phát hiện phép vô sinh nhẫn[46] của Như Lai.

Phát nguyện rồi, xin đem cả thân bệnh kính lễ thường trụ Tam Bảo

Hết quyển trung

---o0o---

[1] Tứ không thiên: 1. Không xứ; 2. Thức xứ; 3. Vô sở hữu xứ; 4. Phi tướng phi phi tướng xứ. Tứ không này ở cõi Trời Vô Sắc.

[2] Bốn câu: 1. Có; 2. Không; 3. Cũng có cũng không; 4. Không phải có không phải không. Lối chấp này của ngoại đạo.

[3] Trăm lỗi: Trong bốn câu, mỗi câu đủ bốn câu, như thành 16 câu, tính cả ba đời quá khứ; hiện tại, vị lai thành 48 câu, lại chia một phần đã khởi, một phần chưa khởi, thành chín mươi sáu câu hợp lại với bốn câu chánh thành một trăm câu (100)

[4]

Bảy phép phương tiện:

1. Ngũ định tâm quán: a) Quán bất tịnh để đối trị lòng tham dục; b) Quán từ bi để đối trị tâm tán loạn; Quán nhơn duyên để đối trị tâm si mê; d) Quán Niệm Phật để đối trị nghi chướng;

2. Biệt tướng niệm: Quán riêng từng tướng như tứ niệm xứ, quán thân bất tịnh, quán thọ là khô; quán tâm vô thường; quán pháp vô ngã;

3. Tổng tướng niệm: trong một niệm quán đủ cả thân, thọ, tâm, pháp, như quán thân bất tịnh thì biết cả thọ, tâm, pháp cũng thế;

4. Noãn vị: lấy chỗ biệt tướng cùng tổng tướng, quán cảnh tứ đế phát ra phần hiểu biết tương tự, phục phiền não hoặc, được chút khí phần của Phật cũng như cọng cây lấy lửa, lửa tuy chưa thấy nhưng trước đã được hơi ấm;

5. Đảnh vị: Tu theo noãn vị càng ngày càng tăng thông đạo quán phân minh (ở trên noãn vị như lên đỉnh núi thấy cả bốn phương;

6. Nhẫn vị: Bồi công tu trước, thiện căn ngày càng tăng tiến đối với cảnh tứ đế kham nhẫn làm vui;

7. Thế đệ nhứt vị: Tu phép tứ đế đến đây lần thấy pháp tánh sắp vào bậc sơ quả tuy chưa vào được chánh đạo mà đối với thế gian là đệ nhất.

[5] Không: Không quán: Quán rõ tâm pháp đều không. Bình đẳng: Giả quán: Quan tất cả giả pháp đều có. Trung đạo: Trung quán: Quán không phải trung, không phải giả tức không giả.

[6] Cữu không định: Cữu thế đệ định: 1. Sơ thiền; 2. Nhị thiền; 3. Tam thiền; 4. Tứ thiền; 5. Không xứ; thực xứ; 7. Vô sở hữu xứ; 8. Phi phi tưởng xứ; 9. Diệt thọ tưởng xứ. -Thập trí: tức là tứ đế trí(đã giải ở trước) thêm thế tục trí, pháp trí, loạn trí, tha tâm trí, tận trí, vô sanh trí.

[7] Tam tam muội:

1. Không tam muội: Quán các pháp từ nhơn duyên sanh không có ngã và sở;

2. Vô tướng tam muội: xa lìa những tướng: sắc, thanh, hương vị, xúc và tướng nam, tướng nữ;

3. Vô tác tam muội: đối với các pháp xả hết tâm mong muốn không còn sự tạo tác

[8] Tứ vô ngại: 1. Nghĩa vô ngại: Biết rõ tất cả các pháp. nghĩa lý thông đạt không trệ; 2. Pháp vô ngại: Bồ tát biết rõ các pháp, danh tự phân biệt không trệ; 3. Từ vô ngại: Bồ tát đối với tất cả các pháp danh tự nghĩa lý tùy thuận tất cả chúng sinh, dùng phương tiện ngôn ngữ khôn khéo diễn nói, khiến cho ai nấy đều hiểu rõ; 4. Nhạo thuyết vô ngại: Bồ tát hay tùy thuộc căn tánh của tất cả chúng sinh ưa nghe pháp chi thì sẽ vì họ nói pháp ấy một cách viên dung vô ngại.

[9] Tứ đẳng: Tức là bốn món vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Từ nơi cảnh sở duyên(chúng sinh) nói là vô lượng: từ nơi tâm năng duyên(bồ tát) mà khởi bình đẳng nên gọi là đẳng.

[10] Tứ nhiếp:

1. Bố thí nhiếp: Bồ tát dùng tài pháp bố thí nhiếp dẫn chúng sinh trụ nơi chân lý;

2. Ái ngữ nhiếp: Bồ tát hay tùy thuộc căn tánh của chúng sinh và dùng nói lời hay ho uyển dụ họ trị nơi chơn lý;

3. Lợi hành nhiếp: Bồ tát khởi hạnh từ thiện nơi thân, khkhẩu ý làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, như đó được trụ nơi chơn lý; 4. Đồng sự nhiếp: Bồ tát dùng pháp nhãn thấy rõ căn tính của chúng sinh, tùy theo chỗ ưa muốn của họ mà phân hình thị hiện khiến họ được thấm nhuần lợi ích, như đó họ được an trụ nơi chơn lý.

[11] Bốn hoằng thệ:

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ: Y nơi cảnh khổ đế, bồ tát quán thấy chúng sinh vô biên bị khổ sanh tự áp bức nên phát nguyện độ thoát họ ra khỏi ba cõi.

2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn: y nơi cảnh tập đế, bồ tát thẩm sát phiền não hoặc nghiệp vô lượng hay chiêu tập quả khổ sanh tử nên phát nguyện đoạn trừ và khiến cho chúng sinh cũng đoạn trừ;

3. Pháp môn vô lượng thế nguyên học: y nơi cảnh đạo đế, bỏ tất thẩm sát đạo pháp vô lượng có thể đưa tới Niết Bàn, tự mình biết rồi lại nguyện cho tất cả chúng sinh đều chứng biết;

4. Phật đạo vô thượng thế nguyên thành: y nơi cảnh diệt đế, bỏ tất thẩm sát quả bồ đề tối thắng không chi hơn tự mình thành tựu lại nguyện cho tất cả chúng sinh cũng đều được thành tựu.

[12] Thập minh: Chỉ cho thập tín: 1. Tín tâm; 2. Niệm tâm; 3. Tinh tấn tâm; 4. Tuệ tâm; 5. Định tâm; 6. Bất thoái tâm; 7. Hộ pháp tâm; 8. Hồi hướng tâm; 9. Giới tâm; 10. Nguyện tâm.

[13] Thập hạnh: 1. Hoan hỉ hạnh; 2. Nhiều ích hạnh; 3. Vô sân hận hạnh; 4. lợi ích hạnh; 5. Ly sinh loạn hạnh; 6. Thiện hiện hạnh; 7. Vô trước hạnh; 8. Tôn trọng hạnh; 9. Thiện pháp hạnh; 10. Chơn thật hạnh.

[14] Thập hồi hướng: Hồi: hồi chuyển; hướng: Thu hướng. Hồi hướng là khởi lòng đại bi cứu độ chúng sinh, xoay chuyển căn lành của mười hạnh, hướng về ba chỗ: a) Chỗ sở chứng chơn như thật tế; b) Chỗ sở cầu vô thượng bồ đề; c) Chỗ sở độ tất cả chúng sinh.;

1. Cứu tất cả chúng sinh mà lìa tướng chúng sinh bị độ;

2. Bất hoại: Trước lìa chúng sinh tướng là hoại; hoại tức không, bất hoại tức giả, không và giả chẳng phải hai, chính rõ trung đạo mà qui thú nơi bốn giác;

3. Đẳng nhất thiết Phật: Tánh bốn giác chạm nhiên thường trú mà cái tri năng giác ngang hàng Phật giác;

4. Chi nhứt thiết xứ hồi hướng: được trí năng giác trước kia cùng khắp tất cả chỗ;

5. Vô tận công đức tạng hồi hướng: Công đức nhiều không cùng nên tất cả thế giới của các đức như lai có thể xen lẫn cùng nhau không ngăn ngại;

6. Tuỳ thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng: đối với lý địa của Chư Phật khởi như chơn chánh của muôn hạnh và hiển chứng của đạo nhứt thừa tịch diệt;

7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng: đã tu những nhơn chơn chánh thì thiện căn thành tựu có thể quán biết mười phương chúng sinh đồng một bản tánh, tánh đã bình đẳng thì mới làm cho thiện căn của chúng sinh thành tựu không sơ sót, không cao thấp;

8. Chơn như tướng hồi hướng: lìa vọng là chơn, không khác là như, nghĩa là tất cả pháp tánh vốn chơn như;

9. Vô phục giải thoát hồi hướng: tướng chơn như đã hiện thì chí tuệ rõ ràng, trí tuệ rõ ràng thì y báo chánh báo trong mười phương thấy nhiếp một cách viên dung tự tại vô ngại;

10. Pháp giới vô lượng hồi hướng: khi đã chứng được tánh đức chơn như đã thành tựu viên mãn trùm nhiếp cùng khắp thì không còn phân biệt sự sai khác cái tướng của mười cõi.

[15] Thập nguyện: 1. Lễ kính chư Phật; 2. Xưng tán Như Lai; 3. Quảng tu cúng dường; 4. Sám hối nghiệp chướng; 5. Tùy hỷ công đức; 6. Thỉnh chuyên pháp luân; 7. Thỉnh Phật trụ thế; 8. Thường tùy Phật học; 9. Hằng thuận chúng sinh; 10. Phổ giải hồi hướng.

[16] Sơ địa: Hoan hỉ. Bồ tát thấy chúng sinh tâm bị tà kiến chướng ngại, nên khởi từ tâm tu theo hạnh xả trong thân tâm ngoài của cải không lẫn tiếc. Do đó cảm quả tâm được hoan hỉ.

Nhị địa: Ly cấu. Bồ tát thấy chúng sinh tạo mười nghiệp ác tâm đoạ vào hạnh tà nên phát từ tâm tu mười nghiệp lành xa lìa được dục cấu.

Tam địa: Phát quang. Bồ tát thấy chúng ta say mê hoặc tối tăm che mất pháp lành nên phát tâm quảng đại đúng như pháp mà tu hành, nhơn đó chí tuệ phát ra sáng suốt.

Tứ địa: diệm tuệ. Bồ tát thấy chúng ta sinh phiền não, nên phát tâm đại từ tu 37 phẩm trợ đạo, nhơn đó phát ra diệm tuệ. Bốn địa này thiên về không, nên gọi là minh giản vì có nhiều công soi xét được bên trong.

[17] Ngũ địa: Nan thắng. Bồ tát thấy các bậc hạ thừa đắm trệ vào cảnh hữu dư Niết Bàn, ưa sự vắng lặng độc thiện nên phát từ tâm tu lập bình đẳng giác hạnh ngộ được chơn đế và tục đế, được trí không sai biệt.

Lục địa: Thiện hiện. Bồ tát thấy chúng sinh bị đoạ vào sinh tử nên phát tâm đại bi tu hạnh bình đẳng lợi sinh; như đó trí tuệ được hiện tiền.

Thất địa: Viễn hành. Bồ tát vì thế nguyện độ sinh nên phát tâm từ bi gia công tu tập tất cả những” pháp bồ đề phận” ngộ được không vô tướng, vô nguyện tam muội. Ba địa này thiên về giả nên gọi là tri kiến, vì dùng bên ngoài nhiều.

[18] Bát địa: Bất động. Bồ tát không bỏ nhiệm vụ độ sinh gia công tu tập đạo hạnh thanh tịnh, lia sự phân biệt chấp trước về tâm, ý, thức, chứng được vô sinh pháp nhẫn, tất cả phiền não không còn lay động được.

Cửu địa: Thiện huệ. Bồ tát dùng vô lượng trí quan sát cảnh giới chúng sinh đều biết như thật, được trí tuệ vô ngại; khôn khéo nói khắp các pháp khiến cho chúng sinh đều lợi ích.

Thập địa: Pháp vân. Bồ tát dùng vô lượng trí tuệ quan sát và hiểu biết rõ ràng pháp tan muội hiện tiền chứng được đại pháp dùng thân làm mây trùm khắp tất cả chúng sinh đầy đủ tự tại. Từ địa thứ tám trở đi chuyển được tạng thức rồi mới được bình đẳng cho nên sau cùng gọi là song chiếu “song chiếu: chiếu không, chiếu giả”

[19] Nghiệp chương: Nghiệp là hành nghiệp; chương: ngăn che. Nghiệp chương là những phiền não, tham sân si,...làm cho thân, khẩu, ý tạo ra vô số tội nghiệp ngăn che chánh đạo.

[20] Mười lục:

1. Tri thị xứ, phi trí xứ lục: Đức Như Lai đối với tất cả nhân duyên quả báo, xét ra là thật và biết rõ ràng nên gọi là tri thị xứ. Nếu làm việc ác mà thọ quả báo vui thì không có lẽ ấy nên gọi là trí phi xứ;

2. Tri quá hiện vị lai nghiệp báo trí lục: Đức Như Lai đối với nghiệp duyên quả báo và chỗ sinh của tất cả chúng sinh trong ba đời đều biết rõ khắp cả;

3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực: Tam muội là tiếng Phạn, tàu dịch ra là chánh định. Đức Như Lai đối với các thiên định tự tại vô ngại. Những thiên định ấy cạn sâu thứ lớp, ngài đều biết khắp như thật;

4. Tri chư căn thắng liệt trí lực: Đức Như Lai đối với các căn tánh thắng liệt của chúng sinh đều biết khắp như thật;

5. Tri chủng chủng giải trí lực: Đức Như Lai đối với ưa muốn thiện ác của chúng sinh đều biết khắp như thật;

6. Tri chủng chủng giới trí lực: Đối với chỗ đi đến của lục đạo hữu lậu hạnh và chỗ đi đến Niết Bàn vô lậu hạnh, đức Như Lai đều biết khắp như thật;

7. Tri tam thế nghiệp báo trí lực. Biết rõ luật nhân quả, quả báo, tức là nghiệp nào tạo quả nào;

8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực: Đức Như lai chứng thiên nhân thanh tịnh thấy được chúng sinh lúc chết lúc sống, những nghiệp duyên đoạn chính, xấu xa hay thiện ác. Ngài đều thấy rõ một cách vô ngại;

9. Tri túc mạng vô lậu trí lực: Đối với túc mạng của chúng sinh trong một đời cho đến trăm ngàn muôn đời, một kiếp cho đến trăm ngàn muôn kiếp, chết chỗ này, sinh chỗ khác, chết chỗ kia, sinh chỗ này, cả đến tên họ và sự ăn uống, khổ, vui, đức Như Lai đều biết khắp như thật;

10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực: Đức Như Lai đối với tất cả tập khí dư hoặc phần vĩnh đoạn không sinh, đều biết khắp như thật

[21] Ngũ nghịch: 1. Giết cha; 2. Giết mẹ; 3. Giết A La hán; 4. Phá hoà hiệp của chúng tăng; 5. Làm cho thân Phật chảy máu.

[22] Vô gián: Chỉ cho địa ngục A tỳ. Trong ngục này từ sự chịu khổ cho đến tâm hạnh đều không gián đoạn một lúc nào nên gọi là vô gián

[23] Xiển đề: Tiếng Phạn. tàu dịch là tin bất cụ, nghĩa là kẻ ác không đủ lòng tin đối với Tam Bảo.

[24] Thập ác: 1. Sát sanh; 2. trộm cướp; 3. Tà dâm; 4. Nói dối; 5. Nói thêu dệt; 6. Nói lời độc ác; 7. Nói hai lưỡi; 8. Tham; 9. Sân; 10. Si

[25] Tứ trọng; 1. Sát sinh; 2. trộm cắp; 3. Dâm dục; 4. Nói dối. trong luật cho bốn điều này là căn bản giới. Nếu giữ được là giải thoát, không giữ được là gốc của sự đoạ lạc.

[26] Bát trọng: Tám giới của Tỳ Kheo Ni tức là bốn giới trên thêm bốn giới mới: 1. Châm xúc; 2. Tùy thuận; 3. Phú tàng “che giấu”; 4. Kỳ hện.

[27] Giới bát quan trai: 1. Không sát sinh, 2. không dâm dục, 3. Không trộm cắp, 4. Không nói dối, 5. không uống rượu, 6. Không trang điểm, 7. Không hát múa đờn địch và cố ý xem nghe, 8. Không được ngồi giường cao nệm tốt và không được ăn quá giờ Ngọ.

[28] Ngũ thiên thất tụ tức là 250 giới của tỳ kheo

[29] Giới ưu bà tắc tức là năm giới cấm của hàng tại gia cư sĩ.

[30] Khinh trọng câu: Năm giới cấm của ưu bà tắc, bốn giới trước là trọng, giới sau là khinh. Phạm hết năm giới thì bị nhiễm ô, đoạ lạc.

[31] Phạm hạnh: Giới hạnh tranh tịnh

[32] Tám ngày vượng: 1. Lập xuân; 2. Xuân phân; 3. Lập hạ; 4. Hạ chí; 5. lập thu; 6. Thu phân; 7. lập đông; 8. Đông chí.

[33] Mười sáu nghề ác: 1. Làm hàng thịt; 2. Làm đồ tể; 3. Nuôi heo dê; Đánh cá; 5. Đi săn; 6. Đánh rập chim; 7. Bắt rắn; 8. Nuôi gà chó; 9. Thờ rỗng luyện chú; 10. Làm giặc; 11. bắt ăn trộm; 12. Làm cai ngục; 13. làm nghề chứa điểm; 14. Bán rượu; 15. Thợ nhuộm, thợ giặt; 16. ép dầu.

[34] Xuất thế: ra khỏi cõi Dục. Sắc, Vô sắc.

[35] Thiện pháp xuất thế: Chỉ cho những tam học(giới định huệ) và lục độ. Nếu thực hành đúng pháp này thì được thoát ly khỏi ba cõi. Ba niệm đại bi. 1. Chúng sinh tin Phật thì Phật vui mừng; 2. Chúng sinh không tin Phật thì Phật cũng không ưa não; 3. Chúng sinh có kẻ tin kẻ không Phật cũng không vui không buồn.

[36] Tám món tự tại:

1. hay hiện ra nhiều thân;
2. Hay hiện thân nhỏ như hạt bụi đầy cả cõi đại thiên;
3. Thân to lớn mà nhẹ nhàng muốn bay đến đâu hay đến đó;
4. Hay hiện ra vô số loài mà vẫn thường ở một chỗ;
5. Các căn hồ dục;
6. Được tất cả Pháp mà vẫn tưởng như không có;
7. Nói nghĩa một bài kệ kệ trải hàng vô lượng kiếp;
8. Thân ở khác các chỗ cũng như hư không.

[37] Thù: tên số cân thời xưa, nửa lạng là một thù.

[38] Tứ thiền; 1. Sơ thiền; 2. Nhị thiền; 3. Tam thiền; 4. Tứ thiền. Đó là bốn bậc tu thiền ở cõi sắc.

[39] Tứ vô sắc định: Bốn bậc tu định ở cõi vô sắc; 1. không xứ định; 2. Thức xứ định; 3. Vô sở hữu xứ định; 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

[40] An na bát na: phép đếm hơi thở để nhiếp tâm trừ vọng.

[41] Cây uất kim: Uất kim hương, một giống cỏ có bông.

[42] Tô hợp: tô hợp hương, một thứ cây to lá như bàn tay hoa nhỏ có nhựa rất thơm dùng làm thuốc.

[43] Toà pháp không: An trụ nơi cảnh giới hiểu rõ các pháp đều không.

[44] Năm minh: 1. Nội minh: thông đạt giáo pháp của Phật; 2. Nhân minh: lý luận giỏi; 3. Thinh minh: Văn chương sinh ngữ đều thông đạt; 4. Y phương minh: Biết cả phương pháp trị bệnh; 5. Công xảo minh: Biết tất cả nghề nghiệp trong đời.

[45] hai đế: Chơn đế tức chỉ cho thiện pháp vô lậu; 2. Tục đế tức chỉ cho thiện pháp hữu lậu.

[46] Vô sanh nhẫn: Nhập tất cả pháp tánh vô sanh.

---o0o---

Quyển Hạ

Tất cả chư Phật vì thương xót chúng sinh, mới nói phép đạo tràng Thủy Sám. Ngày nay chúng con xin đem cả thân mệnh, hướng về hết thầy chư Phật

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tụ Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hống Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi thứ lại sám hối.

Trên kia đã sám hối ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng. Bây giờ chúng con xin sám hối tất cả nghiệp chướng đối với Phật, Pháp, Tăng.

Trong kinh Phật dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, chúng tăng khó gặp, tín tâm khó sinh, sáu căn khó đủ, bạn tốt khó gặp”. Ngày nay chúng ta nhờ kiếp trước đã gây nhiều căn lành, nên mới được làm thân người, sáu căn đầy đủ, lại gặp bạn lành, được nghe chính pháp. Nếu trong lúc này không hết lòng tinh tiến tu hành, ắt sau này sẽ bị chìm đắm trong muôn ngàn khổ đau không biết ngày nào ra khỏi bởi thế hôm nay, chí thành cầu xin sám hối.

Chúng con..... từ vô thủy đến nay thường bị vô minh che tâm tính, phiền não chướng ý thức, thấy hình tượng Phật không hết lòng cung kính, khinh miệt chúng tăng, tàn hại bạn tốt, phá tháp huỷ chùa, thiêu đốt kinh tượng làm hại kinh Phật; hoặc mình ở nhà đẹp để tượng Phật, Bồ Tát ở chỗ thấp hèn, bẩn thỉu, khói hun, nắng táp, gió thổi mưa chang, bụi đất dính đầy, chim chuột đục khoét; hoặc thờ chung trong phòng ngủ không từng kính lễ, hoặc ở trần trước tượng Phật, không sửa y phục trang nghiêm, chỉnh tề; hoặc che đầy đèn đuốc, đóng kín cửa chùa, che lấp ánh quang minh chỗ Phật. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, đối với pháp Phật, lấy tay bản cầm các quyển kinh, hoặc đang khi đọc tụng, xem nói lời tục tĩu, phi pháp; hoặc để kinh trên đầu giường ngồi đứng không cung kính; hoặc để trong rương tráp, sâu mọt ăn nát; hoặc quần tròn làm cho sờ rớt, mất nát, thứ tự lộn lẩn, bộ loại; hoặc lời kéo vướng đứt làm rách giấy vướng chữ, tự mình không tu tập, không chịu lưu truyền. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin chí thành sám hối.

Lại nằm dài nghe kinh, nằm ngửa tụng đọc, hoặc nói cười lớn tiếng, làm rộn người khác nghe pháp; hoặc giải sai lời Phật dạy, nói khác Thánh ý, không phải chính pháp nói là chính pháp, chính là chính pháp, nói không phải chính pháp; chẳng phạm nói phạm, nói phạm chẳng phạm, tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ, hoặc sao chép kinh sách đoạn trước để đoạn sau, đoạn sau

đem để đoạn trước, hoặc đoạn trước đoạn sau đem để ở giữa hoặc đoạn giữa đem để ra trước sau; hoặc theo dết lời văn trong kinh Phật, để làm sách riêng của mình; hoặc vì danh dự lợi dưỡng, cung kính mà nói Pháp; không lòng vì pháp, chỉ vì muốn tìm lỗi của pháp sư mà bàn luận nghĩa lý; không vì tăng tiến sự hiểu biết để cầu pháp xuất thế, mà chỉ đàn hạch một cách vô lý, hoặc khinh mạn lời Phật, tôn trọng tà giáo, chê bai Đại Thừa, khen ngợi Thanh Văn. Những tội như thế vô lượng vô biên, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, đối với chúng Tăng gây ra các nghiệp chướng, như giết bậc a la hán, phá sự hoà hợp của chúng tăng, hại những người phát tâm Vô thượng Bồ đề, dứt tuyệt giống Phật, làm cho Thánh đạo không lưu hành được hoặc lột xẻ người tu hành, tra khảo bậc Sa Môn, đánh đập đầy đoạ, dùng lời thô bỉ mắng nhiếc, hoặc phá giới hạnh thanh tịnh làm mất hết uy nghi; hoặc khuyên người khác bỏ đạo bát chính; hoặc giữ và thực hành theo năm phép tà[1]; Hoặc giả dạng nhà sư trộm của thường trụ tiêu sài việc riêng. Những tội như thế, ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Hoặc để mình trần, hay mặc y phục mỏng manh đường đột đến trước kinh Phật; hoặc mang giày bẩn thỉu đi vào điện Phật, dẫm nên thác Phật; hoặc mang guốc vào chùa, hoặc đàm nhớt nước miếng trong nhà thiền, làm dơ nhớp chỗ Phật và chúng Tăng ở; hoặc đánh xe cưỡi ngựa xông pha trong chùa chiền tịnh xá. Phạm đối với Tam Bảo mà khởi ra những tội lỗi như thế, thật vô lượng, vô biên ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn Pháp, Thánh chúng cầu xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp thường gặp được Tam Bảo, để tôn ngưỡng cung kính, không bao giờ chán nản, lại có gấm lụa tốt đẹp, anh lạc quý giá, trăm nghìn âm nhạc, các món danh hương, các thứ hoa quả tốt tươi có đủ những vật sở hữu trên đời để cúng dàng. Nếu có vị nào thành Phật chúng con nguyện đến trước khuyến thỉnh mở cửa cam lồ cứu độ chúng sinh. Nếu có vị Phật nào nhập niết Bàn, chúng con nguyện được cúng dàng một lần sau chót. Còn như trong hàng chúng tăng, chúng con nguyện tu sáu phép hoà kính, được sức tự tại, trùng hưng Tam Bảo trên hồng dương Đạo Phật, dưới hoá độ chúng sinh.

Những tội hoặc nặng hoặc nhẹ, đối với tam bảo đã sám hối rồi, còn lại những tội lỗi khác chúng con xin theo thứ lớp sám hối hết thảy. Nhưng trong kinh nói: “Có hai mạng người được mạnh mẽ: một là tự mình không gây tội, hai là đã gây tội mà biết ăn năn sám hối”. lại có hai phương pháp trong sạch,

có thể làm cho chúng sinh diệt trừ được các món chướng ngại, một là biết khổ luyện, tự mình không làm ác, hai là biết thẹn, nên không xúi người khác làm ác. Có hổ thẹn như thế mới gọi là người, nếu không biết hổ thẹn thì không khác cầm thú. Bởi vậy ngày nay chúng con chí thành qui y phật, xin đúng theo phép mà sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, vì mê tín tà kiém nên giết hại chúng sinh để cúng tấu quỷ thần, lị mị vọng lượng, cầu được sống lâu nhưng không bao giờ được hoặc nói dối thấy ma quỷ, rồi giả xưng là thần để gạt người. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, hoặc hành động láo sược, tự cao tự đại, hoặc ý dòng quý tộc khinh dễ mọi người, cậy mình sang trọng khinh kẻ hèn hạ, hoặc ý sức mạnh ăn hiếp kẻ yếu, hoặc uống rượu rồi gây sự loạn đả không kể người thân sơ, say sưa xuất ngữ không biết tôn ty, những tội như thế ngày nay chúng con xin sám hối.

Lại như tham ăn uống không tiết độ, ăn gỏi thịt gỏi cá, hoặc ăn năm thứ cây nồng[2] mùi hôi bay nên xông uế các kinh tượng, xua đuổi những kẻ tu hành giữ giới thanh tịnh; buông lung tâm ý, xa lìa người lành gần gũi bạn ác. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối. Lại có tính cống cao, bày điều giả dối, bắt người khác theo mình, càn bướng cố chấp cho mình là hay, ương ngạnh chống báng không biết nhân tình, cho mình là phải, người khác là quấy và hay hi vọng ở sự may rủi. Những tội như thế ngày nay chúng con xin sám hối.

Còn lâm đến chỗ tiền tài lại không nhường nhịn, không liêm sỉ, mua bán rượu thịt, lừa dối kẻ sống hoặc cho vay nặng lời, tính từng ngày từng giờ góp chừa một cách cay nghiệt, tham cầu không biết chán; hưởng thụ của dân cúng không biết hổ thẹn; hoặc không biết giới đức mà lạm nhận của tín thí. Những tội như thế ngày nay chúng con đều xin sám hối.

Và đánh đập tôi tớ, sai khiến trẻ con làm việc nặng, không kể đến sự đói khát lạnh nóng của chúng; hoặc phá dỡ cầu cống ngăn trở sự đi lại, những tội như thế ngày nay chúng con đều sám hối.

Lại để mặc ý mình phóng túng, lung lảng tán loạn, chỉ để thì giờ đánh xu bồ, đánh cờ tướng, hoặc vây đoàn hợp lũ, uống ăn rượu thịt, chén tạc chén thù làm rối cho nhau; nói chuyện vu vơ, hay bàn luận chuyện thiên hạ, hết năm này qua năm khác để ngày giờ trôi qua không lợi ích gì; mỗi đêm ba thời

không tụng kinh ngồi thiền, lười biếng, giải đãi cứ nằm dài, suốt ngày không để tâm quán sáu món niệm xứ[3] thấy người khác có việc hơn mình lại sinh ghen ghét ôm lòng hiểm độc, khởi đủ phiền não để cho gió lốc vật dục thổi vào củi lửa tội lỗi, cháy luôn không ngớt, thiêu mất những điều lành nhỏ của ba nghiệp. Khi những pháp lành đã hết thì hoá ra rất xiêm đề, đoạ vào địa ngục lớn, không có kì hạn ra được. Bởi thế ngày nay, chúng con cúi đầu hướng về mười phương tam bảo xin sám hối hết thảy.

Tất cả tội lỗi từ trước tới nay, hoặc nhẹ hoặc nặng hoặc thô[4] hoặc tế[5], hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm vui mừng, hoặc dùng thế lực bắt buộc người khác làm, cả đến những tội khen người làm ác, ngày nay chúng con chí thành đều xin sám hối.

Nguyện nhờ công đức sám hối các tội ác ấy, chúng con đời đời kiếp kiếp được từ hoà, trung hiếu, khiêm nhường, nhẫn nhục, biết liêm sỉ, biết chào đón trước, sửa mình chính đáng, trong sạch nhân nghĩa, nhường nhịn, xa lìa bạn ác, thường gặp duyên lành, thâm nhiếp được sáu căn, giữ gìn được ba nghiệp, nhẫn lại được khổ nhọc, tâm không thoái lui, cứ lập chí tu hành đặc đạo, không phụ bạc chúng sinh.

Phát nguyện rồi đem hết thân mệnh kính lễ chư Phật

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Trước đã sám hồi những phiền não chương, nghiệp chương, ngay theo thứ lớp giải bày những quả báo chương còn lại, xin sám hồi hết thảy.

Trong kinh nói: “Khi nghiệp báo đã đến, chẳng phải trong không trung, trong biển, trong hang núi, không có chỗ nào thoát khỏi được quả báo, chỉ có sức sám hồi mới được diệt trừ”. Vì sao biết được? Vì như ông Thích Đề Hoàn Nhân[6] khi thấy năm tướng suy[7] hiện ra, trong lòng khiếp sợ chí thành qui y Tam Bảo, thì năm tướng xấu xa ấy liền tiêu diệt, lại còn thêm tuổi thọ. Những chuyện như thế trong kinh rất nhiều, không phải là một. Thế mới biết sự sám hồi hay diệt trừ được tai họa.

Song kẻ phạm phu nếu không gặp bạn tốt dẫn đường, thời không có việc nào mà không làm, đến nỗi khi sắp chết, cảnh địa ngục gớm ghê hiện ra trước mắt, chính lúc ấy lại hối hận sợ hãi. Ôi! Ngày trước không tu điều lành để đến ngày cùng ăn năn sao kịp. Phước báo hay tai ương tự mình gieo trồng từ trước, nay cú thẳng lối mà vào địa ngục, một mình mình đi đến, để lẫn vào vạc dầu sôi, thân tâm tan nát, tinh thần thống khổ. Tới lúc đó dầu muốn lay hay sám hồi một câu, cũng không dễ gì được nữa.

Vì thế tất cả mọi người chớ ỷ mình tuổi trẻ sức mạnh có tiền tài thế lực mà lười biếng giải đãi, tự ý buông lung. Một khi khổ chết đã đến thì không luận già, trẻ, nghèo, giàu, sang, hèn đều tiêu ma hết. Qui vô thường đến thành lình không cho ai biết trước. Mệnh người vô thường như giọt sương mai, một hơi thở ra tuy có đó, nhưng hơi hít vào không chắc gì còn được. Thế vì có chi mà không sám hồi? Nếu sứ giả ngũ thiên[8] hay quỷ La sát thoát nhiên đi đến, dầu tuổi trẻ sức mạnh đến đâu cũng không thể tránh. Lúc ấy dầu có nhà đẹp, lầu cao vẫn không ích gì đến người, xe tốt ngựa hay không đem theo được, vợ con quyến thuộc cũng không còn là người thân, những đồ thất trân quý giá cũng chỉ để cho người khác hưởng. Lấy đó mà nói thì quả báo ở đời đều giả dối, không chắc thật. Còn như ở cõi trời tuy vui thật nhưng rất cuộc

cũng sẽ tan nát. Khi sự sống hết thì vẫn phải đoạ lạc trong tam đồ. Vì thế Phật bảo ông Tu Đạt Đa: “Thầy ngươi là Uất Đầu Lam Phát lợi căn sáng suốt, đã hàng phục được phiền não, đến cõi trời phi phi tướng rồi, mà khi mệnh chung còn phải đoạ vào đường súc sinh, làm con phi li[9] hưởng chi người khác”. Thế mới biết hễ chưa lên tới Quả Thánh, thì còn bị luân chuyển qua các đường ác. Nếu không cẩn thận, một mai thì linh thân chịu chỗ đó, thật đáng hối hận. Xem như ngày nay bị tội phải đến cửa công, đó là khổ nhỏ mà tâm tình đã sợ hãi, quỵn thuộc đã khủng khiếp cầu cứu trăm bề. Đối với nỗi khổ trong địa ngục còn gấp trăm vạn ngàn lần hơn, không thể so sánh được.

Chúng con cùng nhau trải vô số kiếp, tội lỗi chồng chất như núi Tu Di, nghe như vậy làm sao cứ an nhiên không sợ hãi, không kinh khủng, để về sau mắc phải những nỗi khổ ấy, đáng đau đớn biết bao! Vì thế ngày nay, chúng con chỉ thành cầu xin sám hối.

Lại từ vô thủy đến nay, chúng con.....có nhiều báo chương nhưng nặng nhất chỉ có địa ngục a tỳ. Như trong kinh đã nói rõ, nay xin nói sơ về hình tướng của địa ngục a tỳ.

Chung quanh ngục có bảy lớp thành sắt, có bảy lần lưới sắt giăng kín ở trên, phía dưới có bảy tầng dao sắc, rậm như rừng và vô số ngọn lửa dữ luôn luôn thiêu đốt. Bề dài bề rộng của ngục này tính có tám muôn bốn ngàn do tuần tội nhân đầy trong ấy, nhưng vì nhân duyên của tội nghiệp nên không làm trở ngại, lửa phía trên hắt xuống, lửa ở dưới bốc lên, lan khắp bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Tội khổ trong ngục ấy như cá bị chiên trong chảo, dầu mỡ đều chảy ra. ở bốn cửa thành có bốn con chó đồng, thân hình dài rộng đến bốn nghìn do tuần, nanh dài, móng nhọn, mắt sáng như điện chớp. Lại có vô số giống chim mỏ sắt vỗ cánh bay lên mổ khoét thịt người có tội. Quỷ sứ đầu trâu hình như La Sát, có chín đuôi như đỉnh ba bằng sắt, lại có chín đầu, trên đầu có mười tám sừng, mỗi sừng có sáu mươi bốn mắt, từ mỗi con mắt tiết ra sức nóng như thiêu đốt tội nhân. Mỗi khi nóng giận chúng gào thét tiếng vang như sấm. Lại có vô số bánh xe dao, từ trên không trung bay xuống, xoáy vào đỉnh đầu tội nhân, rồi xoáy suốt xuống chân mà ra ngoài. Tội nhân đau đớn thấu xương tủy, nhứt nhối tận tim gan, cứ như thế trải qua không biết bao nhiêu năm. Cầu sống không được, cầu chết không được. Những tội báo như thế ngày nay chúng con hồ thẹn cúi đầu cầu xin sám hối.

Kể đến chúng con xin sám hối những tội báo: Dầu, thân rơi rã trong địa ngục đao sơn, kiếm thụ bị thiêu nướng trong địa ngục vạc dầu, lò than: sám hối những tội lỗi bị thiêu đốt trong địa ngục, giường sắt, cột đồng; sám hối những tội báo bị đè nghiền mỡ xẻ trong địa ngục xe dao, xe lửa, sám hối những tội báo trong địa ngục kéo lưỡi để trâu cày; sám hối những tội báo làm cho ngũ tạng cháy tiêu trong địa ngục, nuốt hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi, sám hối những tội báo sương thịt nát tan trong địa ngục, cột sắt, sám hối trong tội báo da, thịt, sương, tuỷ rơi lìa từng mảnh trong địa ngục cuốn dây sắt nóng, sám hối những tội lỗi bị bứt đứt ngạt thở trong địa ngục sông tro phản, sám hối những tội da dẻ lạnh, cồng nứt, da trong địa ngục nước mặn đóng giá băng, sám hối những tội báo tàn hại lẫn nhau trong địa ngục chó sói, chim sắt, chó săn, sám hối những tội báo đâm chém cẩu xé nhau trong địa ngục đao binh móng vuốt, sám hối những tội báo bị rang nướng trong địa ngục hầm lửa, sám hối những tội báo bị hình hài tan nát trong địa ngục hai tảng đá ép lại, sám hối những tội báo bị dóc lột trong địa ngục bồn bể núi đá xô ép lại, sám hối những tội lỗi bị chém sẻ trong địa ngục, núi thịt u ám, sám hối những tội lỗi bị chặt đứt trong địa ngục cửa xẻ đóng đinh; sám hối những tội lỗi bị mổ cắt trong địa ngục gậy sắt treo ngược, sám hối những tội báo phiền oan trong địa ngục đốt nóng kêu gào, sám hối những tội báo chịu cảnh đêm dài mù mịt không bóng mặt trời mặt trăng và sao trong khoảng lớn nhỏ núi Thiết Vi, sám hối những tội lỗi trong địa ngục a ba ba, địa ngục a bà bà, địa ngục a tra tra, địa ngục A la la. Trong tất cả các địa ngục lạnh nóng như thế có phụ thêm tám muôn bốn ngàn địa ngục cách tử.

Những tội khổ trong đó bị chiền nấu đau đớn, bị lột da dóc thịt, chẻ xương đập tuỷ, rút ruột, bức phổi, nhiều nỗi khổ khác không thể nghe không thể nói. Nam mô Phật! Những người bây giờ đang bị đoạ vào các chốn ấy hoặc là cha mẹ hay họ hàng của chúng con từ vô thi kiếp chúng con cùng họ, sau khi chết sẽ bị đoạ trong các địa ngục như thế.

Ngày nay chúng con rửa sạch lòng trần, cúi đầu hướng về mười phương Chư Phật, các bậc Đại Bồ Tát cầu xin sám hối, khiến cho tất cả tội báo kia đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong địa ngục, chúng con phá được bức thành sắt chốn A tỳ làm thành cõi Tịnh Độ, không còn cái tên “ác đạo”, bao nhiêu thống khổ sạo sệt trong các địa ngục đều chuyển thành những duyên vui sướng; núi đao rừng kiếm biến ra rừng báu; lò lửa vạc dầu hoá thành hoa sen; lính ngục đầu trâu chừa bỏ sự bạo ngược, khởi lòng Từ

Bi không còn niệm ác. Và chúng sinh trong đường địa ngục thoát khỏi quả khổ, không gây thêm nhân ác khác, thụ hưởng sự yên vui như ở cõi Tam Thiên, đồng thời phát tâm cầu đạo vô thượng.

Sám hối và phát nguyện xong, xin hết lòng kính lễ Thường Trụ Tam Bảo.

Nam mô Tỳ Lô Giá Na Phật,

Nam mô Bản Sư Thích ca Mâu Ni Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam mô Di Lặc Phật.

Nam mô Long Chung Thượng Tôn Vương Phật.

Nam mô giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật.

Nam mô Ca Sa Tràng Phật

Nam mô Sư Tử Hồng Phật

Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Nam mô Đại Trang Nghiêm Bồ Tát.

Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát.

Đảnh lễ chư Phật rồi, thứ lại sám hối.

Trước đã sám hối những tội báo trong địa ngục, nay xin sám hối những tội ác trong ba đường ác. Trong kinh Phật nói: “Con người vì nhiều ham muốn, nhiều tham cầu lợi dưỡng nên khổ não cũng nhiều”. Người biết đủ tuy nằm dưới đất mà vẫn lấy làm yên vui, người không biết đủ, dù ở thiên đường

cũng không vừa ý. Song người đời thành linh có tai nạn nguy cấp, thì thường bỏ hết tài sản không kể nhiều ít. Thế mà không biết thân này khi lâm vào hồ thủy tam đồ, hễ một hơi thở không trở lại thì phải bị đoạ lạc. Thoảng như có người trí thức khuyên làm việc công đức để dự trữ pháp lành cho đời sau, thì lại cứ cố chấp keo bần không chịu làm theo lẽ phải. Những người như thế thật ngu hoặc biết bao! Vì sao? Trong kinh Phật nói:” Lúc sinh không đem lại một đồng nào, lúc chết cũng không cầm được một đồng nào đem đi”. Người đời phải khổ than góp chứa được tiền của, chỉ đèo thêm sự lo âu phiền muộn không ích gì cho mình, mà người khác hưởng hết. Không chút duyên lành, không một mảy công đức để nhờ cậy đến khi chết phải bị đoạ vào đường ác. Vì vậy ngày nay chúng con chí thành đem thân mệnh đem về ngôi Tam Bảo, cầu xin sám hối.

Kể đến chúng con xin sám hối những tội báo ngu tối trong loài súc sinh; sám hối những tội báo mang nặng kéo cày đèn nợ cũ trong đường súc sinh; sám hối những tội báo không chân hai chân, bốn chân hay nhiều chân trong loài súc sinh; sám hối những tội báo trong lông, cánh, mai, vẩy, trong thân bị các giống trùng nhỏ cắn rủa, ở các loài súc sinh có vô số tội báo như thế, ngày nay đều xin chí thành sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo luôn luôn chịu sự đói khát, trải qua trăm ngàn vạn năm không nghe đến tên cơm nước trong loài ngã quỷ; sám hối những tội báo ăn uống máu mủ phần dơ trong loài ngã quỷ; sám hối những tội báo mỗi khi động thân thì tất cả chi tiết đều cháy trong loài ngã quỷ, sám hối những tội báo bụng lớn cổ nhỏ trong loài ngã quỷ. Trong loài ngã quỷ, có vô số tội báo như thế, ngày nay cúi đầu xin sám hối.

Chúng con lại xin sám hối những tội báo hay nịnh hót kiêu mạn trong loài tu la, quỷ thần; sám hối những tội báo gánh cát mang đá lấp sông trấn biển trong loài quỷ thần; sám hối những tội báo ăn uống máu thịt, chịu đủ mọi sự xấu xa trong loài quỷ thần La Sát, Cưu bàn trà. Trong loài quỷ thần có vô lượng vô biên tội báo như thế, ngày nay chúng con hướng về mười phương Chư Phật, đại địa Bồ Tát, cầu xin sám hối, khiến cho những tội báo ấy đều tiêu diệt.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường súc sinh, chúng con đời đời kiếp kiếp diệt hết tất cả ngu si, biết được nghiệp duyên của mình, trí tuệ sáng suốt, không làm thân trong các đường ác.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường ngã quỉ, chúng con đời đời kiếp kiếp lia khổ xan lạn, đói khát, thường được ăn những pháp vị cam lồ giải thoát.

Nguyện nhờ công đức sám hối những tội báo trong đường tu la quỉ thần, chúng con đời đời kiếp kiếp tính tình chất trực xa hằn nhân tà mệnh, trừ các quả báo xấu xa, và làm được nhiều phúc lợi cho cả nhân thiên.

Chúng con.....nguyện từ nay trở đi cho đến đạo tràng, không còn chịu những tội báo trong bốn đường ác, chỉ trừ lòng đại bi cứu độ chúng sinh, lấy sức thể nguyện ở chung trong ấy, không khi nào chán nản.

Chúng con.....đã sám hối những tội báo trong ba đường ác, nay theo thứ lớp cầu xin sám hối những tội báo chốn nhân thiên.

Chúng con cùng nhau thọ bả thân Mệnh ở cõi Diêm phù này, tuy nói một trăm năm chớ có mấy ai sống trọn. Trong thời gian đó số người trẻ tuổi chết non không thể nào lường, những khổ não còn nung nấu bức bách thân hình, lo rầu sợ hãi không ngớt phút nào. Sở dĩ như thế, bởi căn lành rất ít nghiệp ác quá nhiều, đến nỗi trong đời hiện tại làm việc gì cũng không được vừa ý. Nên biết đó là dự báo của những nghiệp ác ở đời quá khứ còn lại. Bởi thế nên ngày nay, chúng con xin sám hối vô lượng dư báo ấy trong cõi nhân thiên từ vô thủy cho đến thời hiện tại và vị lai; sám hối những tội báo tai ương tức trái, tàn tật trăm bệnh, sáu căn không đủ ở cõi người; sám hối những tội báo sinh vào nơi hoang dã xa cách mọi người, luôn luôn bị tà kiến, tám nạn[10], ba ác[11]; sám hối những tội báo bị nhiều bệnh hoạn, gầy còm, chết yểu, chết oan, ở cõi người; sám hối những tội báo bà con quyến thuộc không đoàn tụ, ở cõi người; sám hối những tội báo bị khổ vì bạn bè tan nát ân ái chia lìa, ở cõi người; sám hối những tội báo oán cừu gặp gỡ, ưu sầu khiếp sợ, ở cõi người; sám hối những tội báo bị nạn lửa, trộm cướp đao binh nguy hiểm, kinh khủng khiếp nhược, ở cõi người; sám hối những tội báo bị nạn nước lửa, trộm cướp đao binh nguy hiểm, kinh khủng khiếp nhược, ở cõi người; sám hối những tội báo bị cô độc khốn khổ, lưu lạc, bôn ba quên mất xứ sở, ở cõi người; Sám hối những tội lỗi bị tù ngục giam cầm, bị nhốt đứng trong ngục tối, bị đánh đập tra khảo ở cõi người; sám hối những tội báo bị miệng lưỡi công tư thù dết, vu hoạ ở cõi người; sám hối những tội báo bị bệnh tật liên miên liệt giường liệt chiếu không đứng dậy được ở cõi người; sám hối những tội báo bị các chứng ôn dịch về mùa Đông mùa Hạ, hay bị độc lệ thương hàn ở cõi người; sám hối những tội lỗi bị trúng gió độc, bị thũng, trướng, bị kết, ở cõi người; sám hối những tội lỗi bị các ác thần tìm

dịp tiện tác hoạ ở cõi người; sám hối những tội báo bị các thứ ác điều bay đến kêu lên trăm điều quái gỡ, gặp qui phi thi làm các yêu dị, ở cõi người; sám hối những tội báo bị các loài cầm thú dữ sài lang, hổ báo làm hại, ở cõi người; sám hối những tội báo tự lao mình xuống hố sâu hầm lửa, nhảy xuống sông hay gieo mình từ trên cao xuống, ở cõi người; sám hối những tội báo không có uy đức tiếng tăm, ở cõi người; sám hối những tội báo thiếu thốn, tiêu dùng ăn mặc không được vừa lòng, ở cõi người; sám hối những tội báo ra vào, đi lại hay làm việc gì cũng khó khăn hoặc bị người khác ngăn trở, ở cõi người. Những tai hoạ bất trắc, những bệnh truyền nhiễm, những ách nạn suy não trong đời hiện tại, vị lai, trong cõi nhân thiên, nhiều không thể kể xiết như thế, ngày nay chúng con chí thành hướng về mười phương chư Phật, Tôn Pháp, Thánh chúng cầu xin sám hối, nguyện đều tiêu diệt.

Trước đã sám hối tất cả phiền não chương và nghiệp chương của sáu căn, ba nghiệp, tất cả quả báo chương trong sáu nẻo bốn loài, nay chúng con xin theo thứ lớp phát nguyện hồi hướng.

Chúng con.....nguyện đem công đức sám hối ba món chương kia, hồi hướng cho tất cả chúng sinh cũng đều cùng nhau sám hối; nguyện cùng tất cả chúng sinh trong đời hiện tại thân tâm được yên vui, ba tai tám nạn các việc chẳng lành đều tiêu trừ hết thảy, sự ăn mặc được dư dật đầy đủ, chính tín Tam Bảo; xả báo thân này, vãng sinh về cõi Cực Lạc, gần gũi đức Phật Di Đà, được thụ kí để qua đời sau được gặp Phật Di Lặc, nghe hiểu chính Pháp, theo đó tu hành. Nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào, thường gặp các vị quốc vương, trùng hưng Tam Bảo, không bị sinh vào nhà ngoại đạo tà kiến. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ ở nơi nào, cũng do hoa sen hoá sinh, thuộc giòng giống cao quý, được yên ổn, vui sướng, món ăn, thức mặc tự nhiên có sẵn. Chúng con lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ ở chỗ nào, cũng có sẵn lòng nhân từ trung hiếu, đem tâm bình đẳng cứu giúp chúng sinh, không khởi niệm nghịch hại. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào, cũng thường được chư Phật hộ niệm, thường hàng phục được ma oán và các thứ ngoại đạo, được ở chung một chỗ với các bậc bồ tát, một lòng theo đạo Bồ Đề không khi nào đứt đoạn. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở chỗ nào cũng nêu tỏ Phật Pháp, tu theo giáo lý Đại Thừa, phân thân vô số để cứu độ chúng sinh, thẳng tiến đến đạo tràng (thành Phật) không khi nào thoái chuyển.

Chư Phật Bồ Tát đã phát lời thề nguyện tu hành phúc trí, và hồi hướng, chúng con cũng xin phát nguyện tu tập phúc chí và hồi hướng như vậy.

Cõi hư không có thể cùng tận, cõi chúng sinh có thể cùng tận, nghiệp báo của chúng sinh có thể hết, phiền não của chúng sinh có thể diệt, nhưng sự tu hành hồi hướng của chúng con không bao giờ cùng tận.

Phát nguyện và hồi hướng xong, xin hết lòng kính lễ xong, xin hết lòng kính lễ Thường Trụ Tam Bảo.

Hết quyền hạ

---o0o---

Tội do tâm sinh do tâm diệt

Tâm đã diệt tội cũng không còn

Tội hết tâm không hai vắng lặng

Như thế mới là chân sám hối

Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát.

---o0o---

Phản Hồi Hướng

Tâm kinh bát nhã ba la mật đa

Khi ngài Quán Tự tại Bồ Tát, thực hành sâu xa pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa. Ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thấy khổ ách.

Này ông Xá Ly Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; Thụ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như thế.

Này ông Xá Ly Tử! Tướng không của mọi pháp, không sinh, không diệt, không nhớ, không sạch, không thêm, không bớt, cho nên trong Chân Không, không có sắc, không có Thụ, Tướng, Hành, Thức; không có Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, ý; không có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; không có nhơn. Giới cho đến không có ý thức giới; không có Vô minh cũng không có cái hết

Vô minh; cho đến già, chết, cũng không có cái hết già, chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc, vì không có chỗ chứng đắc.

Bồ Tát Y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi xa hăn mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu kính niết bàn. Chư Phật trong ba đời cũng y vào Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả Vô Thượng Chính, Đăng Chính Giác.

Cho nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh trú, là vô thượng trú. Là vô đẳng trú, trừ được hết thấy khổ, chân thực không hư.

Vì vậy nói ra bài chú Bát Nhã Ba La Mật Đa. Liền nói bài chú ấy rằng:” Yết Đê Yết Đê, Ba La Yết Đê, Ba La Tăng Yết Đê, Bồ Đề Tát Bà Ha.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa”.(3 lượt)

---o0o---

Văn Tụng Kinh Sám Hồi Hối Hưởng

Đệ tử chúng con.....vì sức nghiệp ma, tâm thần rối loạn, căn tính mê mờ, bỗng nhiên lại nghĩ, thay đổi lung tung, giáo dử chất chồng, xem văn mờ ý, nhầm chữ sai câu. Trái với chính âm trong đực,nệ vào tà kiến giải bày, hoặc vì việc đoạt mất trí tâm, chẳng để vào kinh, đương khi tụng niệm dấy bỏ dử câu cách quãng. Ngồi lâu trở nải, nhân việc giận hờn, chôn nghiêm tịnh để vướng bụi nhơ, nơi kính cẩn hoặc làm cẩu thả. Thân, khẩu mặc dùng nhếch nhác, xiêm, y lễ mạo lòi thôi, cung chẳng như nghi, ngồi không đúng chỗ. Mở quán rồi ren, rót rơi dơ nát hết thấy chẳng chuyên chẳng thành, thật là đáng thẹn đáng sợ.

Kính xin chư Phật Bồ Tát, trong cõi pháp giới hư không, hết thấy thần thánh hiện thân, thiên long, hộ, pháp, từ bi thương xót, sám rửa lỗi lầm, khiến cho công đức tụng kinh đều được chu viên thành tựu.

Đệ tử chúng con nguyện tâm hồi hướng, còn e hoặc khi dịch thuật lỗi nhầm, hoặc lúc giải chưa thiếu sót, truyền thụ sai thù, âm thích lẫn lộn. Những lỗi so sánh đối thay, những lầm cắt, in, viết, chép, dù thầy dù thợ, đều xin sám hối. Nhờ sức thần của chư Phật, khiến cho tội lỗi tiêu tan. Thường quay xe

pháp, cứu vớt hàm linh. nguyện đem công đức trì chú tụng kinh, hồi hướng về hộ pháp, long thiên thánh chúng, thần núi, sông linh thiêng trong tam giới, vị chủ tể thủ hộ chốn già lam, cầu mong được hưởng phúc thiện bình an, trang nghiêm đạo quả vô thượng Bồ Đề, nguyện cho khắp cả pháp giới chúng sinh, cùng được vào bể Như Lai pháp tính...

(đảo mõ rồi tụng tiếp)

---o0o---

Kinh Lăng Nghiêm - Chương Niệm Phật của Bồ Tát Thế Chí

Đức Đại Thế Chí Pháp Vương Tử, có năm mươi hai vị Bồ Tát đồng hàng với Ngài, liền từ toà ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng: con nhớ về hằng Hà sa kiếp xưa kia, có đức Phật ra đời, hiệu là Vô Lượng Quang, trong một kiếp mười hai đức Như Lai nối nhau ra đời. Đức Phật sau cùng hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang, đức Phật kia dạy con Pháp niệm Phật Tam Muội.

Ví như con người: Một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. hai người như thế, dù có gặp nhau, cũng như không gặp, hoặc có thấy nhau cũng như không thấy. Hai người nhớ nhau, thời hai người nhớ in sâu, cứ như thế mãi, từ kiếp này qua kiếp khác, như bóng in hình, chẳng xa trái nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh, như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh mẹ nhớ ích gì? Con dù nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, mẹ con trái qua nhiều kiếp, chẳng xa trái nhau.

Nếu tâm chúng sinh, nhớ Phật niệm Phật, đời này đời sau, quyết định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng phải nhờ phép phương tiện, mà tự mở ngộ tâm mình. Ví như người nhiễm mùi hương, mình có hơi hương, như thế gọi là Hương Quang Trang nghiêm. Nhân địa còn xưa, nhờ tâm niệm Phật, được vào pháp nhãn Vô sinh. Nay ở cõi này, tiếp người niệm Phật về nơi cõi tịnh.

Đức Phật hỏi Pháp Viên Thông, con không hề lựa chọn, mà chỉ thu nhiếp sáu căn, nối liền tịnh niệm, được vào nơi chí định, đó là bậc nhất:

Thân Phật Di Đà vàng rực rỡ!

Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh

Hào quang toả khắp năm Tu Di

Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn

Quang trung hoá Phật nhiều vô số

Hoá chúng Bồ tát cùng vô biên

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh

Chín phẩm đều nên ngôi Chính Giác

Nam mô Tây Phương Cực Lạc

Thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.(3 lượt)

Nam Mô A Di Đà Phật (1 tràng hay ba tràng tùy ý)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 lượt)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 lượt)

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (10 lượt)

(Toàn thể đều đứng dậy lễ, chủ sám đọc)

Nam mô Tận hư Không, biến Pháp giới, thập phương tam thế, nhất thiết thường trụ Tam Bảo.(3 lễ)

Nam Mô Sa Bà Giáo Chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(1 lễ)

Nam mô Phạm Võng Giáo Chủ Lưu Xá Na Phật.(1 lễ)

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Giáo Chủ A Di Đà Phật.(1 lễ)

Nhất tâm đảnh lễ, Quán thế Âm Bồ Tát, biến pháp giới chư đại Bồ Tát(1 lễ)

Nhất tâm đảnh lễ, Đại Thế Chí Bồ Tát, biến pháp giới Chư Đại Bồ Tát. (1 lễ)

Nhất tâm đỉnh lễ, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, biến pháp giới chư đại Bồ Tát.(1 lễ)

Nhất tâm đỉnh lễ, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, biến pháp giới chư Đại Bồ Tát.(1 lễ)

Nhất tâm đỉnh lễ, thanh tịnh Đại Hải chúng, biến Pháp giới Chư chư Hiền Thánh Tăng.(1 lễ)

Nhất tâm đỉnh lễ, Lịch Đại Tổ Sư Bồ Tát.(1 lễ)

Nhất tâm đỉnh lễ, Hộ Pháp Chư Thiên Bồ Tát.(1 lễ)

Con nay khấp vì bốn ân, ba cõi pháp giới chúng sinh, nguyện xin ba chương tiêu trừ, chí thành phát nguyện(1 lễ)

(Toàn thể đều quỳ chấp tay, chủ sám đọc)

Nguyện đem công đức trì chú, sám hối, tụng kinh, hồi hướng, chân linh...

Nguyện chư hương linh.....

Nhất chân tỏ ngộ

Lục dục tam không

Cõi nhân gian sinh tử xa lìa

Nơi cực lạc hoá sinh tự tại

Ao thất bảo thanh thoi tắm mát

Đài cửu liên nhẹ gót tiêu diêu

Quán âm, thế chí, kết đồng hàng

Bồ Tát Thánh Tăng làm bạn lữ.

Thần thức hằng vui nơi cõi tịnh

Nghiệp duyên trần không vương mảy may

Trên đài sen chín phẩm nở hoa

Chư Phật phóng hào quang thụ ký.

Nam Mô Tây Phương cực lạc thế giới, đại từ đại bi, tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.(3 lượt)

Nam Mô Liên Trì Hải hội, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.(1 lượt)

(Mọi người đều đọc phát nguyện)

Phát nguyện và hồi hướng

Chúng sinh bao nhiêu xin độ hết.

Phiền não bao nhiêu xin dứt hết.

Pháp môn bao nhiêu xin học hết.

Phật đạo cao siêu nguyện viên thành.

Công đức tụng kinh rất tuyệt vời!

Bao nhiêu thắng phục xin hồi hướng

Nguyện khắp chúng sinh trong bể khổ

Chóng được sinh về nước Cực Lạc

Nguyện tiêu ba chương trừ phiền não

Nguyện được trí tuệ thật sáng ngời

Nguyện bao tội chương được tiêu trừ

Đời đời thường làm Bồ Tát đạo.

Nguyện sanh Tây phương cõi Phật đà

Chín phẩm đài sen là cha mẹ

Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sinh

Bất thoái Bồ Tát làm bạn hữu

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả.

Chúng con và chúng sinh

Đều trọn thành Phật đạo.

Tự qui y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự qui y Pháp, xin nguyện chúng sinh, thấu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển.

Tự qui Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại.

Hoà nam thánh chúng

[1] Năm phép tà: Túc năm điều luật ác nghiệp của Đề Bà Đạt Ma.

[2]

Năm thứ cay nồng: Hành, hạ, tử, oán, hung, cừ (hay kiêu).

[3] Sáu món niệm xứ: 1. Niệm Phật; 2. Niệm Pháp; 3. Niệm tăng; 4. Niệm giới; 5. Niệm thí; 6. Niệm thiên.

[4] Thô: Có thể thấy được.

[5] Tế: Không thể thấy được.

[6]

Thích Đề Huần Nhơn: Tên một vì trời ở trên chót núi Tu Di

[7] Năm tướng suy: 1. Hoa trên đầu héo; 2. Y phục nhơ nhớp; 3. Đồ mờ hôi nách; 4. Thân hình hôi thối; 5. Không ưa ngồi trên toà. Mỗi khi năm tướng ấy hiện là điềm báo trước vì trời ấy khi mang chung sẽ bị đoạ lạc.

[8] Ngũ thiên sứ giả: Vì người ta gọi Vua Diêm Vương là Ngũ diện Thiên tử nên sứ của ngài gọi là Ngũ thiên sứ giả

[9] Phi ly: Một loài chồn có cánh.

[10] Tám nạn: 1. Địa ngục; 2. Ngã quỷ; 3. Súc sinh; 4. Trường thọ thiên; 5. Bắc câu lô châu; 6. Đui, điếc, ngọng, liệt; 7. Thế trí biện thông; 8. Sanh trước Phật hay sanh sau Phật: Sở dĩ gọi tám nạn là vì ở tám chỗ này dù cảm thọ quả báo cổ vui có khác, nhưng đều không được thấy Phật không được nghe chính pháp.

[11] Ba ác; 1. Địa ngục; 2. Ngã quỷ; 3. Súc sinh.

---o0o---

Hết